

TẬP THỂ LƯƠNG Y HỘI YHCT THANH HÓA
LƯƠNG Y HẢI NGỌC chủ biên

BỆNH NHI KHOA

CHỮA CÁC TẬT BỆNH THÔNG THƯỜNG CỦA TRẺ BẰNG Y HỌC CỔ TRUYỀN



HVYDHCTVN
TT TT TV

615.8
KM.00113



NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

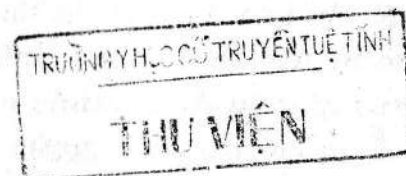
Từ sơ sinh đến 10 tuổi

25g/ 15

615.5

TẬP THỂ LƯƠNG Y - HỘI YHCT THANH HÓA
Lê Nhật Duy - Đỗ Huy Hoàng - Nguyễn Châu Suyền
Lê Như Bốn - Đào Khả Ưu - Hải Ngọc (Chủ biên)

BỆNH NHI KHOA
CHỮA CÁC TẬT BỆNH THÔNG THƯỜNG
CỦA TRẺ BẰNG Y HỌC CỔ TRUYỀN



NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

LỜI NÓI ĐẦU

Trong quá trình sinh trưởng của đời người, thời kỳ từ sơ sinh đến niên thiếu là thời kỳ phát triển nhanh nhất cả về chất và về lượng, đồng thời cũng là thời kỳ phát triển quan trọng nhất, quyết định phần lớn đến thể lực và trí tuệ về sau.

Sự lớn lên của trẻ về cơ thể cũng gắn liền với sự biến đổi về sinh lý và bệnh lý của chúng. Sự biến đổi này ngoài những biến đổi có tính chu kỳ theo từng giai đoạn, nhìn chung trẻ hay mắc một số tật bệnh có tính đặc trưng như: **khóc đêm, tưa miệng, tề phong, lồi lõm thóp, ban chẩn, kinh phong, cam tích, sài, 5 chứng cứng, 5 chứng mềm, 5 chứng chậm**. Ngoài trừ những tật bệnh do cha mẹ truyền cho thì nguyên nhân gây bệnh cho trẻ tương đối đơn thuần: không do ngoại cảm lục dâm thì do nội thương ăn uống.

Qua nhiều năm nghiên cứu, sưu tầm trong kinh nghiệm dân gian và thư tịch của các vị danh y chúng tôi biên soạn thành cuốn

sách này, nhằm giải đáp những lo lắng của các bậc cha mẹ trong việc hiểu và điều trị **các tật bệnh thông thường** của con mình, đồng thời cũng mong muốn góp thêm phần nào vào việc phổ biến nền y học dân tộc của Việt Nam ta, nhất là công việc chăm sóc sức khỏe cho con trẻ ở những nơi chưa được hưởng sự chăm sóc của y học hiện đại, nhưng lại dư thừa những cây thuốc vị thuốc theo y học cổ truyền.

Do kinh nghiệm có hạn, khó tránh khỏi những thiếu sót, mong quý độc giả góp ý, bổ sung thêm để những lần tái bản sau sách có giá trị hơn.

Thay mặt nhóm biên soạn
Lương y Hải Ngọc

PHẦN THỨ NHẤT

VÀI NÉT VỀ ĐẶC ĐIỂM SINH LÝ BỆNH LÝ TRẺ EM VÀ PHƯƠNG PHÁP CHẨN ĐOÁN BỆNH

I - VÀI NÉT VỀ ĐẶC ĐIỂM SINH LÝ VÀ BỆNH LÝ TRẺ EM

Trẻ em là lứa tuổi mà cơ thể đang ở thời kỳ phát triển mạnh - cả hai quá trình sinh trưởng và phát dục đều mạnh. Quá trình sinh trưởng mạnh biểu hiện cụ thể bằng sự lớn lên về cả khối lượng và cơ thể. Quá trình phát dục mạnh biểu hiện ở sự biến đổi sâu sắc về chất lượng cơ thể, từ những đặc điểm của cơ thể sơ sinh, biến thành những đặc điểm của cơ thể trưởng thành. Hai quá trình lớn lên về khối lượng (sinh trưởng) và biến đổi về chất lượng (phát dục) luôn luôn ảnh hưởng lẫn nhau, quan hệ gắn bó với nhau rất chặt chẽ và diễn biến xuyên suốt các thời kỳ phát triển của cơ thể trẻ em, theo chiều hướng đi lên. Những biến đổi về khối lượng tích lũy đến một mức độ nào đó sẽ tạo ra những đột biến về chất lượng, những biến đổi về chất lượng sẽ làm cơ sở cho những biến đổi mới về khối lượng tiếp tục nảy sinh, cơ thể trẻ em cũng như cấu tạo và hành động của các khí quan trong cơ thể dần dần hoàn chỉnh đưa trẻ em bước sang lứa tuổi trưởng thành. Sách xưa đã nói: "Thành nhi vị toàn, toàn nhi vị tráng" có nghĩa là trẻ em cơ thể đã hình thành nhưng chưa tròn vẹn, tròn vẹn nhưng chưa mạnh. Người xưa nhận xét trẻ em:

“Thuần dương vô âm” Là có ý cho rằng: trẻ em khi dương còn non nớt, khí âm chưa đầy đủ (không có nghĩa là khí âm không có). Hải Thượng Lãn Ông nói: Thuần dương là khí thiếu dương mới sinh, vô âm là thiên quý thủy chưa đều, luôn luôn cần âm và chất dinh dưỡng để phù hợp với sự đòi hỏi của sinh lý. Thuần dương còn có nghĩa là trong quá trình lớn lên, thể chất, trí tuệ và cơ năng tạng phủ đều phát triển dần dần đến thuần thực. Cho nên tuổi càng ít thì sinh trưởng phát dục càng nhanh, hiện tượng này cũng gọi là “thuần dương” theo lẽ dương có sinh thì âm mới trưởng thành.

A - ĐẶC ĐIỂM SINH LÝ

Sự lớn lên về cơ thể của trẻ cũng gắn chặt với sự biến đổi về sinh lý và bệnh lý của trẻ. Trẻ sơ sinh (một vài tuần sau khi sinh) thì khí huyết chưa đầy đủ, thần khí chưa thực, tạng phủ còn non yếu, cơ năng bảo vệ bên trong và chống đỡ bên ngoài chưa mạnh, mọi sự chấn động, kích thích bên ngoài dù nhỏ, cũng ảnh hưởng đến trạng thái tinh thần, trẻ hay kinh sợ, bàng hoàng. Chức năng hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa cũng đang biến đổi: Hô hấp chính thức bằng phổi, vòng tuần hoàn chính thức thay cho vòng tuần hoàn rau thai; trẻ bắt đầu bú, bộ máy tiêu hóa bắt đầu làm việc.

Thời kỳ trẻ từ 1 - 2 tuổi là thời kỳ phát triển về thể chất và tinh thần. So với cả một đời người, thì đây là thời kỳ cơ thể phát triển nhanh nhất cả về số lượng và chất lượng (Trẻ 12 tháng tuổi cân nặng gấp 3 lần so với sơ sinh).

Nhiều sách y học cổ nêu thuyết biến chứng của trẻ em; biến là biến đổi về tinh thần, làm cho thần trí thông minh, linh lợi hơn; chứng là chứng bosc về thể chất, làm cho khí huyết mạch lạc, tạng phủ lớn mạnh hơn. Biến chứng xảy ra theo chu kỳ, khi biến chứng, trẻ thường có hiện tượng như: mình nóng, hơi giật mình, tai lạnh, không muốn ăn uống, hơi ra mồ hôi. Nặng thì nóng nhiều, mạch nhanh, nôn trớ, ra mồ hôi, phiền khát. Khi biến chứng thường thấy mặt trên giữa lưỡi có một điểm trắng như mắt cá. Chu kỳ biến chứng: 32 ngày là một biến, 63 ngày là hai biến một chứng, cứ thế mà tính để biết chu kỳ biến chứng của trẻ. Cho tới 576 ngày là đủ 18 biến và 9 chứng, đánh dấu một giai đoạn trưởng thành về thần trí và cơ thể của trẻ tương đối hoàn chỉnh. Sau mỗi tuần kỳ biến chứng, thường thấy trẻ có những đổi mới như: biết hóng chuyện, biết lẫy, biết ngồi, biết đi đứng, biết nói... biết sự vật xung quanh nhạy bén hơn, tình cảm vui buồn cũng biểu lộ một cách rõ rệt hơn.

Hải Thượng Lãn Ông có nói: “Biến chứng đổi với trẻ em khỏe thì chỉ có sự biến đổi bên trong mà không có triệu chứng bên ngoài (ám hợp). Đối với trẻ em yếu thì có triệu chứng nhẹ hoặc nặng 5-7 ngày rồi khỏi, không phải dùng thuốc, trường hợp cần thiết mới dùng thuốc sơ giải, thuốc chỉ nôn mửa hoặc thuốc thanh nhiệt”.

B - ĐẶC ĐIỂM VỀ BỆNH LÝ

Phổi phổi hợp với bì phụ (da lông) là khí quan hô hấp của trẻ em. Khi ra đời trẻ bắt đầu thở

bằng phổi da dẻ mỏng cũng là dễ thích hợp với điều kiện hô hấp mới. Cho nên cơ năng bảo vệ chưa vững, khí lực âm (phong, hàn, thử, thấp, táo, hỏa) rất dễ theo đường hô hấp (mồm, mũi, da, lông) xâm nhập vào cơ thể, do đó trẻ rất dễ bị cảm mạo, ho, suyễn.

Tỳ vị là một bộ phận yếu so với các bộ phận khác. Theo thuyết "tỳ thường bất túc", trong quá trình cơ thể trẻ em phát triển, nhu cầu về dinh dưỡng rất cần thiết nhưng lại phải thích nghi cả về lượng và chất, không nên cho ăn uống, bú mớm no quá, đói quá, nhất là cho ăn những thức ăn khó tiêu, làm cho tỳ vị vốn đã yếu lại yếu thêm. Ăn uống đối với trẻ em là sự cung cấp vật chất để cơ thể nói chung phát triển nhanh và nhất là tỳ vị mạnh lên, nhưng sự ăn uống không thích nghi thì ngược lại làm cho tỳ vị yếu đi, cơ thể đã chậm phát triển lại còn mang bệnh, nên trẻ em thường bị bệnh về: nôn, ỉa chảy, cam tích và nhiều chứng bệnh nội thương khác.

- Người xưa đã nêu vấn đề bảo dưỡng để bồi đắp cho sự sống của con người, thuộc về *hậu thiên*, điều đó nói lên tầm quan trọng của vấn đề nuôi dưỡng, nhất là đối với trẻ. Tinh huyết của cha mẹ mạnh hay yếu làm cho thể chất của đứa trẻ bị ảnh hưởng là do bẩm sinh, là thuộc về *tiên thiên*. *Tiên thiên* và *hậu thiên* là cái gốc của sự sống.

- *Thần chí* của trẻ em chưa vững mạnh. Tâm chí về thần, do trẻ em âm huyết còn kém, nên tâm hỏa dễ giao động, tâm hỏa động thì khi ngoại tà

xâm nhập, can phong theo đó mà giấy động. Phong hỏa hợp tác thì hay sinh ra bệnh, sốt cao, kinh giật, hoăng hốt, hôn mê, đờm suyễn v.v...

- *Bệnh của trẻ em* nhìn chung, trừ một số bệnh có tính đặc trưng như khóc đêm, tưa miệng, tẻ phong, lồi lõm thóp, ban chẩn, kinh phong, cam tích, sài, 5 chứng cứng, 5 chứng mềm, 5 chứng chậm, còn thì trẻ em không có bệnh về giới tính, bệnh ngũ lao, thất thương v.v... như người lớn. Vì trừ trường hợp bẩm sinh (tên thiên) còn thì nguyên nhân gây bệnh tương đối đơn thuần, không do ngoại cảm lục âm thì do nội thương ăn uống, khác với người lớn có nhiều nguyên nhân phức tạp về thất tình, phòng dục, nhiều bệnh thâm căn cố đế làm cho sự chẩn đoán và trị liệu gặp nhiều khó khăn.

Cũng từ đặc điểm cơ thể đang phát triển, nên trẻ em dễ mắc bệnh, khi đã mắc bệnh thì dễ hư, dễ thực, dễ hàn, dễ nhiệt, diễn biến nhanh chóng, có khi bệnh nhẹ trở thành nặng, bệnh nông dễ vào sâu. Nếu biết điều trị kịp thời, thì bệnh lui nhanh, khỏi mau.

II - PHƯƠNG PHÁP CHẨN ĐOÁN BỆNH TRẺ EM

Chẩn đoán và điều trị bệnh trẻ em không ngoài phương pháp: vọng, văn, vấn, thiết. Vận dụng các phương pháp đó rồi tổng hợp lại, phân tích để xét đoán bệnh tình của trẻ một cách chính xác. Tìm đúng nguyên nhân bệnh thì sự trị liệu rất

nhanh, tìm không đúng nguyên nhân bệnh và dùng thuốc không đúng thì tác hại cũng rất rõ “sai một ly đi một dặm”.

Người xưa nói: “Chữa một trẻ em khó hơn mười người phụ nữ”, (mà chữa cho phụ nữ đã khó hơn nam giới). Khó ở chỗ trẻ không biết nói, hoặc có biết nói cũng không kể bệnh được tường tận, không biết chỉ đúng chỗ đau; khi có bệnh thì kêu khóc, buồn bực, bứt rứt, vật vờ. Trẻ em lại không biết tự điều tiết thời khí, tự ăn uống điều hòa cho phù hợp với bệnh tật, do đó người chăm sóc nuôi dưỡng trẻ cũng như người chữa bệnh cho trẻ, phải theo dõi tỉ mỉ, nắm chắc những diễn biến từng giờ, từng lúc.

Chữa bệnh cho trẻ em phải tìm được đúng nguyên nhân, đồng thời phải phân biệt được: biểu, lý, hàn, nhiệt. Trẻ em dễ thụ bệnh, thì sự hấp thụ về thuốc cũng nhạy cảm, bởi vậy chữa bệnh trẻ em phải nhẹ nhàng, kịp thời, chính xác, nhưng cũng không nóng vội, không thể dùng tễ lớn, hoặc dùng nhiều thứ thuốc chồng chéo lên nhau, dùng thuốc công phạt quá sức chịu đựng của cơ thể trẻ em, gây cho trẻ những tai biến đáng tiếc.

Tóm lại chữa bệnh trẻ em có cái khó, nhưng cũng có cái dễ. Hiểu được chỗ khó và nắm được cái dễ, đó là “bí quyết” của người làm thuốc.

A - NHÌN

Đối với trẻ em dưới 1 năm tuổi, khi chẩn đoán bệnh cần chú ý nhìn hình sắc:

1. Nhìn sắc mặt.

- Sắc mặt xanh thường là bệnh ở gan.
- Sắc mặt đỏ thường là bệnh ở tâm.
- Sắc mặt vàng thường là bệnh ở tỳ.
- Sắc mặt trắng bột thường là bệnh ở phế.
- Sắc mặt đen xạm thường là bệnh ở thận.

2. Xem mắt.

- Xung quanh mắt thuộc tỳ, nếu ngứa loét xung quanh mắt là phong nhiệt.
- Lòng đen mắt thuộc can, nếu sắc xanh là can tà thu phong.
- Con ngươi mắt (đồng tử) thuộc thận, người kém thần, trông dại là thận kém.
- Lòng trắng mắt thuộc phế, nếu màu trắng đục là phế bị lạnh.
- Đuôi mắt thuộc tâm, nếu thấy sưng đỏ là tâm nhiệt.

3. Xem trán.

- Trán thuộc tâm. Nếu trán xanh đen là kinh phong đau bụng khóc thét.
- Trán hơi vàng mà có mồ hôi trộm hoặc nhiều mồ hôi, đầu tóc khô, thô cứng là thiếu dinh dưỡng. Triệu chứng của bệnh cam còi xương.

4. Xem mũi.

- Màu sắc đỏ là nhiệt, trẻ ngại ăn.
- Sắc vàng sẫm chủ yếu là tiểu tiện không thông.
- Hai bên cánh mũi phập phồng khó thở thì cần chú ý đến viêm phế quản.

5. Xem môi miệng.

Môi hồng mặt đỏ: đó là chứng thương hàn.

Môi trắng chủ yếu là nôn mửa, hoặc thổ huyết.

Môi đỏ hồng, khô ráo mà có rộp chủ về khát; nếu đỏ hồng mà không có rộp chủ về miệng hôi, đại tiện không thông, ban đêm thì tâm phiền không ngủ mà kêu la dữ dội.

Môi vàng miệng hôi, là do tỳ vị bị tích.

- Môi đỏ tía chủ nục huyết.

- Môi trắng miệng máy động, chủ về kinh nhiệt.

- Môi miệng sắc tía, bụng đau, nôn, mửa ra nước trong là do giun.

- Môi xanh là tỳ hàn; cũng có trường hợp do bụng đau, ăn bú kém, khí huyết bị hư mà sinh sắc xanh.

- Nếu miệng ứa từng giọt nước trong là triệu chứng của bệnh trùng thiệt, miệng lở loét chảy nước dài cũng do tỳ hàn.

- Môi sắc hồng sẫm là do phế hư nhiệt.

- Môi sắc trắng trơn nhuận thì dễ chữa, trắng giống như xương khô thì khó chữa.

6. Xem lưỡi.

- Lưỡi nứt, lưỡi chảy máu, trên lưỡi nổi nốt như gai đâm đều là dương độc; lưỡi sinh sang là tâm tỳ vị nhiệt; lưỡi rứt chủ về kinh phong, lưỡi khô ráo, lưỡi trắng, lưỡi đen, lưỡi xanh, lưỡi vàng, lưỡi đỏ mà xung là chủ về đại tiện không thông. Cũng còn trường hợp lưỡi vàng là do tỳ bị thương tổn. Nếu tả lý lâu ngày mà lưỡi đen là chết.

- Rêu lưỡi trắng là tiêu khát, rêu lưỡi màu tía

giống như vỏ quả vải chín là do tích nhiệt tỳ ở tam tiêu.

- Lưỡi rách, lưỡi nứt mà có máu là do tả nhiệt công tâm nhiệt.

- Rêu lưỡi xanh, hoặc trắng như khói thuốc là khó chữa. Có trường hợp lưỡi dày (lọng thiệt) là do tỳ vị nhiệt, nếu bệnh nặng về sau mà lưỡi dày là tiên lượng xấu.

7. Xem sơn căn đến mũi.

(Sơn căn là điểm nằm trên sống mũi và nằm ngang hai khoe mắt).

- Sơn căn sắc đỏ hồng là tâm vị nhiệt, đại tiểu tiện khó.

- Sơn căn sắc vàng chủ về hoắc loạn.

- Sơn căn sắc hồng chủ về khốc đêm.

- Sơn căn sắc tía chủ về thương thực.

8. Xem nhân trung:

(Nhân trung là điểm lõm nằm giữa mũi và môi).

- Nhân trung sắc xanh là can phong.

- Nhân trung sắc đỏ là đờm tích, ảnh hưởng đến phế.

- Nhân trung sắc đen xám là đau bụng.

9. Xem khí vị, phân, nước tiểu.

Khí vị: Miệng hôi thường là phế vị có nhiệt, ợ chua là ăn không tiêu.

Phân thối khắm là đại trường có nhiệt, phân tanh là tỳ hư, phân sống mà tanh là hạ tiêu hư lạnh.

Nước tiểu vàng đỏ hôi là tam tiêu có nhiệt,

nước tiểu trong mà dài và không hôi là tỷ thận hư hàn, nước tiểu đục mà hôi tanh là bàng quang có thấp.

10. Xem vân mạch.

- Vân sắc xanh: thường là cảm phong
- Vân sắc hồng: bệnh còn ở ngoài
- Vân sắc hồng sẫm: cảm lạnh, hoặc lên sởi
- Vân loạn, tản mạn không rõ: bệnh đã lâu
- Vân nhỏ không thấy, trẻ hay khóc: là đau bụng tích trệ, nôn mửa, không tiêu.

- Vân tia chạy thẳng đốt thứ 3 (gần móng): đề phòng có giạt (kinh phong).

Vân đen là khó chữa.

- Chú ý cần dùng nhiệt kế để xem kết hợp.

Kinh nghiệm: Nếu thấy vân tay đã chạy lên đốt giữa mà thẳng là có chiều hướng lên đốt 3 thì dùng ngay kim hào châm, châm thẳng vào đầu vân của đốt giữa, nặn ra một ít máu (huyết nhị gian) làm cho thoát khí của vân mạch không trực tiếp chạy lên đốt 3.

B - NGHE

Tiếng khóc thét, khi nhanh khi chậm, lúc khóc lúc ngừng, lưng bụng quần quai, thường là đau bụng. Khóc mà lắc đầu, mình nóng là nhức đầu, đau gáy. Tiếng khóc nhỏ mà yếu tựa như rên rĩ, mặt nhợt nhạt đó là bệnh nặng.

Tiếng nói nhỏ yếu thuộc chứng hư, nói to, nói nhảm thuộc chứng thực.

Thở: phát suyễn, thở mạnh, thường là phế khí uất bế; cổ họng có tiếng khò khè là đàm bị ứng

tắc ở trên. Thở yếu thuộc hư.

Ho: Tiếng ho dễ dàng và có đờm giải là bệnh nhẹ. Ho tiếng nhẹ, có lẫn nước bọt giải thường là cảm phong hàn.

C - HỎI

- Hỏi tình hình sức khỏe của bố mẹ các năm trước đây và hiện nay xem có liên quan gì đến bệnh của trẻ.

- Hỏi người mẹ khi mang thai có mắc bệnh gì.
- Khi sinh trẻ có đủ tháng, hay thiếu tháng.
- Ăn bú của trẻ nhiều hay ít.
- Tiểu tiện có lợi, đại tiện có thực không
- Đầy 1 năm răng đã mọc, thóp đã kín chưa
- Trẻ mấy tháng biết lẫy, mấy tháng biết ngồi, mấy tháng biết đứng và đi.
- Khi trẻ ngủ, nằm có yên không.

Tóm lại "hỏi" là một phương pháp chẩn đoán vô cùng quan trọng đối bệnh trẻ em. Trên đây chỉ nêu một số điểm có tính gợi ý, khi đi vào xem bệnh, người làm thuốc phải tùy theo bệnh chứng cụ thể mà có những câu hỏi thiết thực phục vụ việc chẩn đoán bệnh.

D - SỜ NẮN

- Cầm tay thấy lòng bàn tay trẻ nóng là trong người cũng nóng.
- Bụng nóng mà chân lạnh là tích trệ do ăn uống không tiêu.
- Chân nóng mà đầu trán nóng là cảm phong tà.
- Trán lạnh mát mà chân nóng là trúng phong, đề phòng phát mụn nhọt.

PHẦN THỨ HAI

BỆNH THƯỜNG GẶP Ở TRẺ EM TỪ SƠ SINH ĐẾN DƯỚI HAI TUỔI

I - TRẺ KHÔNG CHỊU BÚ

Trẻ không chịu bú ngay trong những ngày đầu mới sinh ra, nguyên nhân do trẻ chưa đủ tháng hoặc đẻ khó, làm cho nguyên khí suy nhược. Khi đỡ để rửa miệng không chú ý để trẻ nuốt phải chất bẩn làm chướng ngại đến trường vị, sinh đầy bụng. Hoặc khi sinh bị hàn tà xâm phạm làm cho tỳ vị bị hư hàn sinh đầy bụng, đau bụng không bú được.

Phép điều trị nguyên khí suy nhược, dùng: Độc sâm thang (sâm tốt tẩm nước gừng sao khô): 10 gam; sắc uống.

Những nguyên nhân khác đều dùng các bài thuốc dưới đây:

Bài 1: Hành tẩm 4-5 củ (hoặc hành ăn: 1-2 củ, đem nướng, ép lấy nước, giã vào miệng trẻ.

Bài 2: Bắt một con nhện (còn trứng) đem đốt rồi nghiền nhỏ hòa với sữa cho uống.

Bài 3: Đốt một quả bồ kết lấy hơi xông cho trẻ.

Bài 4: Hương phụ sống 8 gam, Bán hạ sống 8 gam. Hai vị giã nát, trộn với lòng trắng trứng gà thành bánh, đem đồ vào hai bàn chân.

II - TRẺ KHÓC ĐÊM NHIỀU (dạ đề)

Do 2 nguyên nhân chính: Thai hàn hoặc thai nhiệt.

1. Do hàn: Trẻ khóc đêm nhiều, mặt xanh, tay chân lạnh, ngại bú, bụng đầy, đặc biệt tỳ vị lạnh. Ban đêm thuộc âm, âm thịnh thì tì tạng bị lạnh. Vì tỳ ưa ấm, ghét lạnh, nên tỳ lạnh thì dẫn đến bụng đau, làm cho trẻ khóc về đêm nhiều và khi khóc thường cong lưng lên vì bụng đau.

Bài thuốc: Bồ chính sâm (tẩm gừng sao) 4 gam
Bạch truật (tẩm đất vàng sao) 4 gam
Cam thảo nướng 2 gam
Gừng tươi 1 lát

Sắc uống

2. Do nhiệt: Nguyên nhân do tâm thụ nhiệt. Tâm giữ chức quân hỏa, chủ huyết. Can tàng huyết. Đêm ngủ thì huyết trở về can. Vì tâm hư nên hỏa xung đốt, buồn bực không yên, sinh ra khóc nhiều.

Bài 1: Xác con ve sầu (thuyền thoái) từ 7 đến 9 cái

Cách dùng: ngắt bỏ đầu, bỏ chân, thêm 2 ngọn kinh giới, cho vào cái chén con nấu cách thủy hoặc hấp cơm lấy chút nước cho trẻ uống.

Bài 2: Hoàng đằng 4 gam
Lá tre gai 4 gam
Gừng tươi 1 lát
Bồ thích sâm 4 gam
Cam thảo 1 gam

Sắc uống

Bài 3: Thạch xương bồ tươi 10 gam; *giã, vắt lấy nước cho uống.*

Bài 4: Hạt bìm bìm đen 4 gam; *tán nhỏ hòa với nước cho uống.*

Bài 5: Thanh đại 1-2 gam; *tán nhỏ hòa với nước cho uống.*

Bài 6: Xác ve sầu 1-2 cái (ngắt đuôi và chân). Lá bạc hà 1-2 gam

Hai thứ nghiền nát cho vào chén con, hấp cơm lấy nước gỏi vào miệng cho trẻ.

Bài 7: Lá cây lan trần già nhỏ, *đùm vào giẻ, lau từ đầu đến chân trẻ.*

- Khóc cả ngày cả đêm:

Bài 8: Nhũ hương 6 gam - Một được 6 gam
Sắc đặc lấy nước mài với một hương cho uống.

Bài 9: Hạt cải bẹ (la bạc tử) 10 gam (sao).
Sắc uống

III - TẾ PHONG (Uốn ván rốn)

Khi sinh, cắt rốn không đảm bảo vô trùng, hoặc sau đó giữ gìn vệ sinh không cẩn thận, độc tố xâm phạm vào rốn làm bế tắt kinh mạch, can phong nội động sinh co giật.

Triệu chứng: môi xanh, miệng chúm, mím mồm, tay chân co giật, rốn lồi, bụng căng, vân tay sắc xanh.

Phép điều trị: Khu phong, thông lạc, trấn kinh.

Bài 1: Hành sống cả lá 1 củ

Bạch cương tàm 4 gam

Giã nát hành, vắt lấy nước cốt, cương tàm nghiền bột mịn, trộn đều với nước hành, bôi vào vú mẹ cho con bú, hoặc cho con uống trực tiếp.

Bài 2: Xem có gân xanh từ rốn lên thì dùng môi tôi hơi từ đầu gân xanh. Gân xanh rút đến đâu hơi đến đó. Khi gân xanh rút về rốn thì thôi.

IV - TỬA LƯỠI

Nguyên nhân: do ảnh hưởng thai nhiệt, do thiếu vệ sinh răng miệng.

Triệu chứng: Lưỡi rộp trắng, đau, muốn bú mà không bú được, có khi lưỡi sưng, dày, cứng, không bú được

Phép điều trị: thanh giải nhiệt độc.

Bài 1: Dùng mật ong bôi vào lưỡi nhiều lần hoặc hòa mật ong với nước cốt rau ngót mà bôi.

Bài 2: Hàn the 2 gam

Thanh đại (bột chàm) 2 gam

Hoạt thạch 4 gam

Cam thảo 2 gam

Tất cả đều tán bột mịn đem bôi vào lưỡi nhiều lần.

Bài 3: Bột thanh đại 2 gam

Bột hàn the 1 gam

Đều tán bột mịn, trộn đều, bạc hà 1 nắm giã vắt lấy nước cốt hòa với thuốc bột. Dùng 1 cái lông

gà sạch đem thấm thuốc bôi vào lưỡi có tưa.

Bài 4: Cây thầu dầu trắng (có nơi gọi là cây đu đủ trắng, có nơi gọi là cây thầu dầu bong bóng): lấy mũ bôi vào lưỡi.

Bài 5: Hoàng liên + cam thảo: mỗi thứ 1 gam sắc uống.

Bài 6: Hàn the (phi) 20 gam

Cách chế: Hàn the hòa với một chén nước sôi, dùng bông sạch nhúng nước thuốc hàn the rửa miệng cho trẻ ngày 2 lần dùng trong vài ngày.

Tưa lưỡi đầy cứng không bú được:

Bài 1: Lá hoắc hương 2 gam
Quả dành dành 4 gam
Thạch cao 4 gam
Rễ ô rô biển 2 gam

Sắc đặc, cho uống từ từ.

Bài 2: Xác rắn đốt thành than, đem bôi vào hậu môn.

Bài 3: Muội nôi rang 6 gam
Hoạt thạch tán bột 6 gam

Trộn đều 2 vị, mỗi lần tiêu 1 gam với nước đun sôi để nguội.

Bài 4: Hàn the 4 gam hòa với nước cốt bạc hà. Lấy cái lông gà sạch, vô trùng, thấm nước thuốc bôi vào lưỡi tưa.

Bài 5: Cỏ mực 10 gam
Hàn the 1 gam
Rau ngót 10 gam

Giã cỏ mực và rau ngót lấy nước nguyên chất đem hấp cơm chín, sau đó hòa lẫn hàn the vào, dùng 1/2 nước thuốc cho trẻ uống 2-3 lần trong ngày. Còn 1/2 nước thuốc thì dùng lông gà sạch, vô trùng bôi vào lưỡi tưa.

V - SỐ SINH BÍ ĐÁI

Nguyên nhân: do người mẹ khi mang thai cơ thể suy nhược, hay đẻ non, làm cho nguyên khí của trẻ mất điều hòa, sinh ra bí đái. Hoặc người mẹ lúc mang thai có nhiệt, nhiệt uất bằng quang, ảnh hưởng đến cơ năng khí hóa và sự truyền thông thủy đạo của trẻ, cũng sinh ra bí đái.

1. Nếu do nguyên nhân suy nhược: Sắc mặt trắng, môi nhợt, tiếng khóc nhỏ yếu, rêu lưỡi, trợn nhuận, vân tay đồ nhợt.

Phép điều trị: Bổ nguyên khí, kết hợp thông lợi tiểu tiện.

Bài thuốc: Bồ chính sâm 8 gam
Trư linh 4 gam
Quế chi 2 gam
Trạch tả 4 gam
Phục linh 6 gam
Bạch truật 4 gam

Sắc uống.

2. Nếu bí đái do nhiệt uất

Miệng đỏ, môi khô, buồn bực khó chịu, hay quấy khóc. Vân tay sắc tía.

Phép điều trị: Thanh nhiệt lợi tiểu.

Bài 1: Sinh địa	8 gam
Cam thảo	4 gam
Lá tre gai	6 gam
Cây ruột gà	6 gam
Bắc đèn dầu lạc	4 gam

Sắc uống.

Bài 2: Rau ngô, mã đề, rễ cỏ sống: lượng đều 1 nhúm.

Sắc uống.

Bài 3: Hành	1 củ
Hoa mã đề	1 bông

Tất cả giã nhỏ, đùm vào giấy mỏng, đồ vào bẹn trẻ và dùng vải băng lại.

Bài 4: Hoạt thạch	6 gam
Hạt mã đề	2 gam
Cam thảo	2 gam

Đều tán bột, mỗi lần uống 1 gam.

- Trẻ em bí đại, bụng dưới đầy trướng:

Bài 1: Hạt vông vang	2 phần
Cây ruột gà	1 phần

Đều tán nhỏ uống 1-2 gam

Bài 2: Dùng kinh giới cả lá và hạt: sao giòn, tán bột đồ vào vùng bàng quang.

Bài 3: Hạt cải củ (sao vàng) 3 gam

Sắc uống ngày 2 lần.

3. Chữa trẻ em đi đại dất.

Triệu chứng: Nước tiểu đỏ đục, mỗi lần đi tiểu đau, lười và môi đỏ, nắn vùng bàng quang kêu đau.

Nguyên nhân: Tâm di nhiệt tiểu trường. Tiểu trường với bàng quang đều thuộc kinh thái dương nên bàng quang thụ nhiệt, nhiệt tà hiệp với thấp tà làm viêm niệu đạo, sinh chứng lâm sấp (đái dất).

Hướng điều trị: Thanh nhiệt lợi thấp, tiêu viêm, chỉ thông.

Bài thuốc: Ngưu tất	15 gam
Hoạt thạch	10 gam
Mộc hương	10 gam
Biển đậu	20 gam
Cam thảo	10 gam
Trạch tả	10 gam

Sắc uống.

4. Chữa trẻ em đại trắng như nước gạo.

Nguyên nhân do thấp nhiệt và cam tích gây bệnh.

Bài thuốc:

Rau má (tươi)	20 gam
Lá dành dành (sao)	10 gam
Lá rau ngót	10 gam
Hoạt thạch (tán bột)	20 gam
Bông mã đề	10 gam

Sắc uống

5. Trẻ em đại ra máu tươi.

Bài thuốc:

Xuyên qui (tẩm rượu sao)	20 gam
Hoa kinh giới (tẩm rượu sao)	10 gam

Bông mã đề	10 gam
Quả dành dành (sao cháy)	4 quả
Rễ cỏ sàng (sao)	10 gam

Các vị đều chia 4 phần, mỗi lần sắc uống 1 phần. 2 lần trong ngày.

6. Chữa chung các chứng bí đái trẻ em.

Dùng vỏ cây xoan cạo vỏ ngoài, đập giập, cho vài hạt muối, *dịt vào dưới rốn.*

Bài 2: Măng tre vôi 1 cái
Ốc quẩn vài con

Hai thứ giã nhỏ, dịt vào huyết trung cực.

Bài 3: Hành tằm 4-5 củ: giã nhỏ, lấy nước cho uống, còn bã đắp vào huyết trung cực.

Bài 4: Gián đất 5-7 con. Tỏi 1 ánh. Giã lẫn với nhau đem đồ vào rốn hoặc huyết quan nguyên hay trung cực.

(Cách lấy huyết trung cực và huyết quan nguyên: Lấy 1 cái dây đo từ rốn xuống thẳng bờ trên xương mu, rồi chia làm 5 đoạn, huyết trung cực ở cuối đoạn thứ tư, huyết quan nguyên ở cuối đoạn thứ ba)

Bài 5: Châm cứu: Con trai bắt ngọc quẩn lên đầu ngọc quẩn ở đâu thì châm ngay vào đấy; Con gái: châm vào huyết quan nguyên.

PHẦN THỨ BA

BỆNH THƯỜNG GẶP Ở TRẺ EM TRÊN 2 TUỔI

I - ĐÁI DÂM

Nguyên nhân do thận và bàng quang hàn, không làm được chức năng điều tiết.

1. Đái són.

Bài 1: Lụy cây dâu 7 con
Ích trí nhân 20 gam
Cổ chỉ 20 gam

Các vị đều tẩm muối, sao vàng, tán bột, viên cho trẻ ăn. Hoặc uống: mỗi tuổi 3-4 gam, uống 2 lần trong ngày, trước bữa ăn.

Bài 2: Phèn phi 2 gam
Quế tốt 1 gam
Mẫu lệ (nung) 2 gam

Tán nhỏ, tiêu với nước cơm.

Bài 3: Thục địa 8 gam
Lá dâu 6 gam
Mạch môn 4 gam
Ích trí nhân (tẩm muối sao) 4 gam
Long cốt 4 gam
Hoài Sơn 4 gam
Mẫu lệ 4 gam
Cổ chỉ (tẩm muối sao) 4 gam

Các vị tán nhỏ, viên với mật ong bằng hạt ngô. Trẻ em 2 tuổi, ngày uống 20 viên, chia làm 2

lần, uống khi đói. Đây là bài "Thanh tâm cố thận" (cổ phương) bài này chữa cả bệnh đái dầm.

2. Đái dầm.

Bài 1:

Lá hẹ
Lá lạc tiên
Mạch môn

Mỗi vị 10 gam sắc với nước, hòa sữa mẹ cho uống.

Bài 2:

Hoài sơn 20 gam
Ô dược 10 gam
Ích trí nhân (tẩm muối sao) 10 gam

Các vị sao giòn tán bột, viên bằng hạt đậu; ngày uống 2 lần mỗi lần từ 10-15 viên, trước bữa ăn; hoặc uống thuốc dạng bột cũng được.

Bài 3:

Mai ba ba: 1 cái, đốt tồn tính, tán giập, bỏ vào cốc, đổ nước sôi vào, đậy kín, để nguội cho uống, mỗi cái mai ba ba hầm làm 3-4 lần uống.

Bài 4:

Dùng con nhện đang ôm buồng trứng đem nướng chín cho trẻ ăn 5-7 con, khi nào khỏi thì thôi.

Châm cứu các huyệt: Quan nguyên, Trung cực, Tam âm giao, Phục lưu, Thần môn (ở loa tai). Các huyệt đều châm tả mạch môn châu và cứu bổ.

3. Trẻ đái như nước gạo.

Bài thuốc:

Thổ linh	10 gam
Ý dĩ nhân	20 gam
Trạch tả	4 gam
Gừng tươi	3 lát
Bạch truật (sao đất vàng)	7 gam
Bổ chính sâm	15 gam
Gừng nướng	3 gam
Cam thảo nướng	3 gam

Sắc uống

II - TRẺ LỞ LOÉT MIỆNG

Nguyên nhân do tâm, tỳ, phế nhiệt.

Bài 1:

Hàn the	2 gam
Phèn chua (phi)	2 gam
Thanh đại	2 gam

Các vị trộn đều, hòa lẫn với nước lá cây bông (cây sống đời) đem bôi vào chỗ loét.

Bài 2:

Hồng đơn
Khô phàn

Lượng bằng nhau tán bột, đồ ngoài.

Bài 3:

Hoàng bá (sao)
Thanh đại
Mật đà tăng

Lượng bằng nhau, tán bột, đồ ngoài.

Bài 4:

Xác rắn: đốt tồn tính, tán bột bôi ngoài

- Lở loét miệng có mùi hôi:

Bài 1:

Thạch cao 4 gam

Hồng đơn 2 gam

Tán bột bôi ngoài.

Bài 2:

Thanh đại

Bạch biến (Biến đậu)

Hai vị bằng nhau, tán bột, bôi ngoài.

Bài 3:

Mủ cây dâu: nửa chén con, hòa với sữa mẹ
trộn đều, bôi ngày 2-3 lần

- Lở loét bên ngoài miệng:

Bài 1:

Lá cây bông hôi già vắt lấy nước. Rửa và lau
khô chỗ loét. Dem nước tự nhiên lá bông hôi bôi
ngày 2-3 lần.

Bài 2:

Dùng đại hoàng hoặc hoàng đằng mài với dầu
vùng hoặc dầu lạc, bôi vào miệng.

III - ĐAU HỌNG (Hầu tê)

Họng sưng đau, nuốt xuống thấy trở ngại khó
thở và ngứa. Chứng này chia làm ba loại như sau:

Sưng cả 2 bên gọi là song nhũ nga.

Sưng 1 bên là đơn nhũ nga

Sưng khắp ở phía ngoài gọi là triển hầu
phong.

Cả ba loại đều do chung một nguyên nhân
nhiệt độc kết ở họng.

Cách chữa phải thanh phế tiêu nhiệt độc.

Bài 1:

Xác rắn đốt tồn tính tán nhỏ. Mỗi lần uống
3-4 gam. Hòa với sữa mẹ hoặc nước cơm. Ngày
uống 2 lần.

Bài 2:

Tổ ong mật đốt thành than tán nhỏ, mỗi lần
uống 3-4gam hòa với sữa mẹ hoặc nước cơm. Cho
uống ngày 2 lần, đồng thời lấy thuốc bôi vào chỗ đau.

Bài 3:

Chữa trẻ em đau bụng, gây tắc cổ họng:

Mật cá chép trộn với đất lòng bếp tán nhỏ.

Dùng bông vô trùng chấm thuốc bôi vào cổ
họng.

Bài 4:

Dây bướm trắng 10 gam

Cam thảo nam 6 gam

Hạ khô thảo 8 gam

Bạch chỉ 6 gam

Kim ngân hoa 8 gam

Sắc uống

Bài 5:

Củ rễ quạt 10 gam

Bột sắn dây 10 gam

Lá phèn đen 10 gam

Các vị tán bột, hòa với sữa, bôi vào chỗ sưng đau, ngày bôi nhiều lần; hoặc cho uống rất từ từ ít một.

Bài 6:

Lá phèn đen

Lá sài đất

Lá ớt chỉ thiên

Củ rẻ quạt.

Mỗi thứ 10 gam, đều dùng tươi sắc đặc, cho uống nhiều lần từ từ trong ngày.

IV - TRẺ EM HO

Trẻ em dưới 3 tuổi, có những chứng trạng sốt, ho, thở dồn, cánh mũi phập phồng. Bệnh thường xảy ra vào hai mùa đông và xuân. Phần nhiều là do bị cảm mạo hoặc bị bệnh sởi.

Triệu chứng: Sốt không có mồ hôi, ho, thở dồn, không khát, lưỡi đỏ, rêu trắng nhạt, mạch phù khắn; trẻ lớn hơn biết sợ lạnh và đau mình.

Nguyên nhân chủ yếu do ngoại tà xâm phạm, hoặc do kế phát từ các bệnh khác; cũng có trường hợp do can thận bất túc làm cho phế khí bị bế uất, mất chức năng tuyên thông, hóa thành nhiệt, nhiệt tà hun đốt tân dịch biến thành đờm mà sinh ra ho thở.

Phép điều trị: sơ phong, tán hàn, tiêu đờm, tuyên thông phế khí.

Bài 1:

Tía tô 10 gam

Trần bì (vỏ quýt) 10 gam

Xạ can (củ rẻ quạt) 15 gam

Vỏ rẻ dâu 15 gam

Cam thảo đất 10 gam

Sắc uống

Nếu hơi thở nhiều sấp đờm, thêm:

Hạt cải bẹ 10 gam

Hạt tía tô 10 gam

Hạt cây dai 6 gam

Nếu nhiều đờm hoặc nôn mửa, thêm:

Bán hạ chế 6 gam cùng sắc với nước thuốc

Trúc lịch vắt lấy nước hòa vào nước thuốc uống.

Bài 2:

Tổ ong mật rửa sạch, đốt tồn tính, tán bột.

Mỗi lần uống 1-2 gam với sữa hoặc nước cơm.

Bài 3:

Xác ve sầu (Thuyền thoái, bỏ mồm và cánh) + củ nghệ vàng.

Hai vị bằng nhau tán bột luyện viên bằng hạt đậu. Mỗi lần uống 1-2 viên, ngày uống 3-4 lần.

Bài 4:

Nhân hạt đào (bỏ vỏ và tim) giã nát, hòa với nước cháo. Mỗi lần uống 1 gam, ngày uống 2-3 lần.

Bài 5:

Gừng sống thái nhỏ, trộn với mật ong, đem

ngậm.

Bài 6:

Hạt tía tô 4-5 gam tán nhỏ, hòa với rượu nhẹ, lọc bỏ bã. Uống với nước cháo, mỗi lần uống 1 gam, ngày 2-3 lần.

- Chữa trẻ em đờm khò khè khó thở:

Bài 7:

Vỏ bưởi đào (sao)	100 gam
Bán hạ chế	200 gam
Bồ kết nướng (bỏ hạt)	15 quả
Men rượu	10 cái

Đều tán bột, dùng mật luyện, viên bằng hạt ngô, hạt đậu. Mỗi lần tiêu 10 viên, tiêu 2 lần trong ngày.

- Chữa trẻ em ho khạc ra máu:

Bài 1:

Rễ cỏ tranh
Vỏ rễ dâu
Hạt dành dành (sao cháy)

Các vị đều 20 gam, sắc uống.

Bài 2:

Rễ dâu 50 gam (kỵ sắt): ngâm nước gạo 3 ngày đêm, chú ý thay nước gạo hàng ngày.

Gạo nếp 25 gam

Hai thứ sao lẫn cho vàng đều, tán bột. Mỗi lần uống 3-4 gam với nước cơm.

Bài 3:

Lá sen khô

Hoa hòe (sao cháy)

Hai vị lượng đều nhau, tán bột, mỗi lần uống 3-4 gam, hòa với nước tiểu trẻ em.

Bài 4:

Phổi lợn luộc chín thái mỏng. Dùng ý dĩ sao vàng tán bột, trộn với phổi lợn mà ăn.

- Chữa trẻ em ho thành viêm họng:

Bài thuốc:

Lá tía tô	10 gam
Lá bọ mắm	10 gam
Lá chanh	5 gam
Cam thảo	5 gam
Lá xương sông	10 gam
Rễ dâu (bỏ lõi, bỏ vỏ ngoài, tẩm mật sao)	10 gam
Huyền sâm	5 gam

Sắc uống

V - BỆNH SUYỄN

Bệnh suyễn là do khí bị hỏa uất, tích đờm ở phế vị. Đối với trẻ em do cho ăn uống nhiều chất khó tiêu làm cho nhiệt tích ở hạ tiêu, hỏa nhiệt quần bức ở hông và ảnh hưởng đến phế. Phế bị hỏa uất gây nên suyễn. Mặt khác, do bị cảm nhiễm phong hàn, làm cho phong đờm ứ tắc ở phế. Hoặc gặp mùa thu đông, khí táo hàn thông vào phế

cùng gây nên ho và suyễn.

Phép chữa: Giáng hỏa tiêu đờm, thanh phế.

Bài 1:

Lá xương sông 1 nhúm

Chua me đất 1 nhúm

Hai vị đều giã nát, cho vào một ít nước sôi, vắt lấy nước mà uống, còn bã xoa khắp mình.

Bài 2:

Phân tầm 20 gam

Hạt củ cải 20 gam

Đều sao giòn, tán bột mịn mỗi lần uống từ 1 gam đến 4 gam

Thang: Bạc hà 9 lá, gừng tươi 3 lát

Sắc nước để tiêu thuốc bột

Bài 3:

Mũ cây vú bò + mật ong: mỗi thứ 20 gam nấu thành cao. Nhân hạt đào (bỏ vỏ và đầu nhọn) 10g giã nhỏ, hòa với cao làm viên bằng hạt ngô. Mỗi lần ngậm 1-2 viên. Trẻ em 5-6 tuổi ngày 10 viên.

Bài 4:

Xuyên khung (sao)

Xuyên quy (rửa rượu sao khô).

Phèn phi

Ba vị lượng bằng nhau, tán nhỏ, dùng hồ luyện viên bằng hạt ngô.

Mỗi lần uống từ 4-8 viên. Dùng bắc đèn dầu lạc sắc lấy nước để tiêu thuốc.

Bài 5:

Phèn phi 4 gam

Chi tử 6 gam (tắm nước tiểu sao cháy)

Hai vị tán bột, dùng hồ luyện viên bằng hạt ngô.

Mỗi lần uống từ 5-10 viên, tiêu với nước đun sôi.

Chữa hen sữa:

Bài 1:

Khoai lang hà 40 gam

Men rượu 1 cái

Đều tán bột, hòa nước sôi cho uống 1-2 gam.

Bài 2:

Thạch cao 50 gam

Gừng khô 10 gam

Phèn phi 10 gam

Đều tán bột, mỗi lần uống 2-3 gam tiêu với nước sôi.

VI - HO GÀ (Bách Nhật Khái)

Triệu chứng ho liên tục, hay ho về ban đêm, ho từng cơn dài, rũ rượi, mặt đỏ, nặng thì ho chảy máu mắt, mặt tím tái, có khi nôn mửa. Sau cơn ho, người rũ rượi, bơ phờ, khạc ra đờm dài.

Bệnh này là do khí độc thời tà xâm nhập vào đường hô hấp, dễ lây lan, có khi thành dịch.

Cách chữa: thanh nhiệt, giải độc, nhuận phế là chính.

Bài 1:

Quả bồ kết (cạo hết vỏ ngoài, bỏ hạt, tẩm mật, sao tẩm 9 lần) 12 gam.

Ý dĩ đều tán bột luyện với thịt táo nhục, viên bằng hạt nhãn mỗi lần ngâm một viên.

Bài 2:

Cây tăng ong - lá ngải cứu

Mỗi thứ 15 gam, sắc uống.

Bài 3:

Lá quít 1 kg

Đường kính 200 gam

Nấu thành cao đặc, mỗi lần uống 1/2 thìa cà phê, uống 2 lần trong ngày.

Bài 4:

Rễ cây cà kìa (sao vàng) 4 gam

Rễ chanh 4 gam

Rễ dâu tằm 4 gam

Chua me đất 8 gam

Rễ ốt 4 gam

Rau má 16 gam

Phèn phi (để riêng) 8 gam

Bồ hóng (để riêng) 4 gam

6 vị đều sắc uống. Sau đó hòa một phần phèn phi một phần bồ hóng, lạng nước trong cho uống.

Trẻ em tùy tuổi, uống mỗi lần một thìa cà phê, uống 3 lần trong ngày.

Bài 5:

Rễ dâu (tẩm mật sao) 30 gam

Củ thiên môn 10 gam

Củ bách bộ 15 gam

Rễ chanh 5 gam

Cát cánh 10 gam

Cam thảo 4 gam

Sắc uống. Nếu không có cát cánh, thay bằng rễ cây bướm trắng.

Bài 6:

Hạt tía tô 12 gam

Củ bách bộ 20 gam

Mật ong 3 thìa cà phê

Vỏ rễ dâu 16 gam

Vỏ quít 8 gam

Các vị sắc nước đặc hòa với mật ong. Uống mỗi lần 1/2 thìa cà phê, uống 3-4 lần trong ngày.

Bài 7:

Vỏ quít (cạo hết ruột trắng, sao giòn)

Bồ kết (nướng chín, đập giập, bỏ hạt)

Mật gà (loại gà khỏe).

Cứ 40 gam vỏ quít thì cho 1/2 thìa muối và 1/2 quả bồ kết; hai thứ muối và bồ kết để dưới đáy nồi, đổ vào một ít nước, đặt cái hông ở trên, bỏ vỏ quít vào đun độ 45 phút. Lấy vỏ quít ra sao giòn, tán bột. dùng mật gà vừa đủ, luyện làm viên bằng hạt đậu. Cứ mỗi tuổi cho uống 1 viên ngày 2 lần.

Bài 8:

Hoa khế 15 gam, cho vào chén, đổ ít nước chung cách thủy, gạn lấy nước cho uống.

Trẻ em 3 tuổi mỗi ngày cho uống 15 gam hoa khế.

Bài 9:

Lá chanh	15 gam
Cỏ mực	10 gam
Lá táo ăn quả	15 gam
Cam thảo đất	6 gam

Các vị đều dùng tươi, đổ vào 2 bát nước, sắc còn 1/3, cho vào một thìa cà phê mật ong. Mỗi lần uống từ 1-2 thìa cà phê thuốc.

Bài 10:

Vỏ rễ dâu (tẩm mật sao)	30 gam
Gừng tươi	10 gam
Mai mực	30 gam
Đường cát	30 gam

Rễ dâu và gừng sắc nước đặc, bỏ bã, chất lấy 50 ml li lít nước đặc, mai mực tán bột mịn, cho đường vào, hòa lẫn 4 thứ. Mỗi lần uống một thìa cà phê.

Bài 11:

Cỏ gà	20 cái
Rễ cỏ tranh	12 gam
Nghệ nướng (bỏ vỏ)	10 gam
Gừng nướng (bỏ vỏ)	4 gam

Sắc uống

Bài 12:

Trần bì	10 gam
Củ rễ quạt	10 gam
Vỏ rễ dâu (tẩm mật sao)	15 gam
Củ bách bộ	10 gam

Sắc đặc. Vò lá hẹ vắt lấy 5-7 giọt nước hòa lẫn với thuốc, cho uống nhiều lần.

Bài 13:

Chanh 1 quả nướng chín vắt lấy nước tự nhiên.

Mật gà một cái. Hai thứ hòa lẫn cho uống nhiều lần.

Bài 14:

Rễ dâu (lấy màng trắng tẩm mật sao)	10 gam
Mạch môn (bỏ lõi)	10 gam
Bồ chính sâm	8 gam

Sắc đặc cho uống nhiều lần.

Bài 15:

Lụy ở cây dâu tằm 2-3 con.

Cách chế: Tẩm sữa, nướng khô tán bột, hòa mật ong, cho ăn nhiều lần.

VII - CẢM MẠO

Triệu chứng: Phát sốt, sợ lạnh, mũi ngạt, ho, nhức đầu. Trẻ em có đặc điểm là tạng phủ còn non yếu, sức chống bệnh chưa đủ nên dễ cảm thụ tà khí lục âm. Khi đã cảm thụ, bệnh chuyển biến nhanh và cũng dễ kèm theo biến chứng khác như: kinh phong, mê man, co giật.

Bệnh có 2 thể:

- Cảm mạo phong hàn
- Cảm mạo phong nhiệt

1. Cảm mạo phong hàn:

Triệu chứng: Phát sốt sợ lạnh, chảy nước mũi, ho, đau đầu, không có mồ hôi, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch phù khẩn, chỉ tay đỏ và nổi.

Phép điều trị: Tân ôn giải biểu,

Bài 1:

Tía tô	8 gam
Gừng tươi	1 lát
Cam thảo	2 gam
Củ gừng tươi	6 gam
Vỏ quýt	4 gam

Sắc uống.

Bài 2:

Hành tằm	3 củ
Gừng tươi	3 lát

Sắc uống.

Bài 4:

Hành tằm 3 - 4 hơ vào lửa cho nóng, đem xoa khắp mình trẻ cho ấm là mồ hôi ra.

Bài 5:

Hạt cải củ	4 gam
Hành tằm	3 củ

Nấu sôi hòa một tí rượu cho uống.

Bài 6:

Nước măng tre	3 chén con
Nước sắn dây	3 chén con
Gừng tươi	3 lát

Sắc uống.

Bài 7:

Độc hoạt	6 gam
Tiền hồ	4 gam
Chỉ xác	4 gam
Thổ linh	4 gam
Cam thảo	2 gam
Khương hoạt	6 gam
Sài hồ	4 gam
Cát cánh	4 gam
Xuyên khung	3 gam
Bạc hà	3 ngọn

Sắc uống.

Bài thuốc này là phỏng theo bài "Bại độc" (cổ phương).

2. Cảm mạo phong nhiệt:

Triệu chứng: Phát sốt, không sợ lạnh, ngạt mũi, ho, nhức đầu. Có mồ hôi, miệng khô, họng ráo, rêu lưỡi trắng, hơi vàng, mạch phù sắc, chỉ tay nổi rõ sắc đỏ.

Phép điều trị: Tân hương giải biểu.

Bài 1:

Kim Ngân	6gam.
----------	-------

Rễ cây lau	8gam.
Bạc Hà	3ngon
Kinh giới	4gam
Lá tre gai	8gam
Cam thảo	2gam
Cúc hoa	6gam
Đậu xị	6gam. <i>Sắc uống</i>

Bài 2:

Bạc hà	3ngon
Lá dâu	4gam
Cúc hoa	4gam
Hạnh nhân (nhân hạt hạnh)	4gam
Rễ bướm trắng	4gam
Cam thảo	2gam
Rễ cây lau	6gam
Sài đất	6gam

Sắc uống

Bài 3:

Lá tre gai	1nhúm
Sắn dây	10gam
Bạc hà	3ngon
Gừng tươi	2lát

Sắc uống

Bài 4:

Đậu xị	nửa chén
Dành dành (bỏ vỏ)	7quả

Sắc nước dành dành sôi rồi đổ đậu xị vào sôi thêm vài dạo là được, cho uống còn hơi nóng.

VIII - CẢM NẮNG

Triệu chứng: xây xẩm, vã mồ hôi, đỏ mặt, nằm im lìm, mệt nhọc.

Bài 1:

Lá hương nhu: 1 nắm

Giã vắt lấy nước, cho ít hạt muối vào, lạnh, đem uống.

Bài 2:

Rau má: 1 nắm

Giã vắt lấy nước, hòa với nước tiểu trẻ em, đem uống (chú ý: nước tiểu trẻ em, bỏ đoạn đầu và cuối)

Bài 3:

Hương nhu	10 gam
Biển đậu	8 gam
Hậu phác	8 gam

Sắc uống

Bài 4:

Rau mã đề
Sắn dây

Hai thứ lượng bằng nhau, giã vắt lấy nước, cho thêm nước tiểu trẻ em vào, lạnh cho uống

Bài 5:

Hương nhu	6 gam
Lá tre gai	10 gam
Biển đậu	12 gam
Sắn dây	12 gam.

Sắc uống.

Bài 6:

Hoạt thạch 6gam

Cam thảo 1gam. *Sắc uống.*

Đây là bài "Lục nhất" (cổ phương).

IX - CÁC CHỨNG CAM SÀI

Có nhiều cách giải thích về "cam".

Một cách giải thích cho "cam" bao hàm ý nghĩa "ngọt", ý nói trẻ em ăn nhiều thứ ngọt tích lũy lâu ngày làm tổn thương đến hình và khí và trệ lại thành cam. Một cách giải thích cho "cam" là "khô" ý cho là khí dịch bị hao tổn cản trở đến dinh dưỡng, làm cho cơ thể gầy còm, thường thấy ở các cháu 2-3 tuổi. Lại còn có cách giải thích cho "cam" là tên chung để chỉ bệnh của trẻ em (có sách nói dưới 15 tuổi gọi là cam, trên 15 tuổi gọi là lao).

1. CAM TÍCH

Nguyên nhân dẫn tới bệnh cam tích có nhiều nhưng không ngoài 3 điểm chủ yếu:

- Ăn bú không có điều độ, ăn quá nhiều chất béo ngọt, hoặc sống lạnh, tích trệ ở trung tiêu, tổn thương đến công năng vận hoá của tỳ vị, thanh không thăng, trọc không giáng được mà thành tích trệ. Tích lâu sinh nhiệt, nhiệt quá hao tổn âm dịch: tạng phủ, cơ nhục, da lông không được nuôi dưỡng. Thế là cam do tích mà thành.

- Trẻ con tạng phủ còn non yếu, hình khí chưa đầy đủ phải nhờ vào các chất cần thiết thích

hợp để sinh trưởng và phát triển. Nếu mẹ không đủ sữa, hoặc cai sữa quá sớm hoặc bồi dưỡng không phù hợp để tạng phủ thiếu dinh dưỡng, dẫn đến cơ thể gầy còm, tinh thần suy yếu, cam tích sẽ phát sinh.

- Các bệnh mãn tính như: ỉa chảy, kiết lỵ, viêm họng, viêm phế quản kéo dài... làm mất công năng điều tiết của 3 tạng tỳ, phế, thận. Dẫn đến khí huyết tân dịch tiêu hao quá độ gây nên cơ thể gầy mòn.

a) Biện chứng và chẩn đoán:

Chứng trạng của bệnh cam tuy biểu hiện rất nhiều, nhưng không ngoài 3 nguyên nhân: tỳ vị bị tổn thương, khí huyết kém, sự dinh dưỡng không thích hợp.

+ Nếu do tỳ vị tổn thương: xuất hiện chứng ăn không ngon, hay đói, miệng ráo, khát nước, sốt về chiều, sôi bụng, ỉa chảy, tân dịch khô ráo, đại tiện táo bón, bụng to, gân xanh nổi rõ, nước tiểu như nước vo gạo, rêu lưỡi trắng, mỏng hoặc dày, trơn có nhầy.

+ Nếu do khí huyết suy kém: thể hiện sắc mặt vàng, miệng khô, da xanh xao, bấp thít gầy nhão, chân tay yếu, lông tóc thưa, thỉnh thoảng sốt cơn, môi miệng trắng nhợt, lúc sốt thì lại khô hồng, mạch vi nhược, hoặc tế sắc.

+ Nếu do thiếu dinh dưỡng, hoặc trùng tích: thỉnh thoảng đau bụng, đi ỉa ra giun, bụng đầy, to rần, hay nghiêng răng, ham ăn các vật lạ, dật beo, cơ nhão mạch sáp,

Trên lâm sàng, theo từng tạng khí bị bệnh mà phân loại, có thể chia làm 5 chứng cam như sau:

- Tỳ cam:

Chứng trạng: mắt vàng, người gầy, cơ nhão, đầu to, cổ bé, môi rù, thích ngủ, bụng đầy, không muốn ăn, bú, có lúc sốt, đau bụng, ỉa ra giun, miệng khát, đi ngoài phân tanh và dẻo dính, dãi như nước vo gạo.

- Can cam:

Đầu tóc dựng đứng, mắt , mắt, móng tay móng chân hiện sắc xanh: mắt có nhiều dử dính khó mở, mắt có màng trắng che, lác đầu dụi mắt, bụng to, phiền khát bứt rứt, đi ngoài ra phân xanh.

- Phế cam:

Chứng trạng: da khô sáp, lông tóc vàng khô, sắc mặt trắng bệch, ho hen, suyễn, thở, sợ lạnh, phát sốt, mũi chảy nước trong, mũi má sinh lở.

- Tâm cam:

Chứng trạng: Run sợ không yên, toàn thân nóng dữ, má đỏ môi hồng, vùng ngực nôn nao, miệng lưỡi xấp lờ, lòng bàn tay bàn chân nóng, ra mồ hôi trộm, phiền khát, nghiến răng lè lưỡi gầy khô, khi ngủ ưa nằm sấp.

- Thận cam:

Sắc mặt đen xạm, chân răng có ngấn đen, răng lung lay, chân lạnh, ỉa chảy vào sáng sớm , bụng đau, hầy rên khóc.

Trong 5 chứng cam thì chứng tỳ cam thường

thấy nhiều hơn, còn 4 bệnh cam kia thường là kế phát từ tỳ cam mà tiến triển thành bệnh.

Ngoài ra trong quá trình phát bệnh cam, nếu thấy có triệu chứng khát, uống nước nhiều là cam khát, âm hư, có sốt cơn là cam nhiệt; bụng sôi ỉa chảy là cam tả; bụng đau quặn, đi ngoài phân có lẫn máu nhầy là cam lý; bụng trướng đầy, chân tay, đầu mặt sưng phù là cam thũng; mửa hoặc ỉa ra giun, miệng ứa nước trong là cam giun; má mũi đỏ, lở loét, đau nhức, chảy nước mũi là cam mũi; mu mắt đỏ loét, thở ra có mùi hôi thối, chảy máu, nặng hơn nữa thì rụng răng, ăn mòn môi má là cam răng.

Tên gọi tuy nhiều nhưng thực tế không ngoài phạm vi của ngũ cam, và thường có liên quan với nhau.

b) Cách chữa:

Chủ yếu kiện tỳ tiêu tích, sát trùng thanh nhiệt, trừ nóng, giải độc, làm cho tân dịch được khôi phục, tỳ vị tiêu hoá mạnh lên

Phép chữa 5 chứng cam:

- Tỳ cam: Dùng bài tiêu cam lý tỳ.

- Can cam thì bình can thanh nhiệt, như lô hội, phù nhi hoàn.

- Tâm cam thì tả tâm thanh nhiệt, dùng tả tâm thang.

- Thận cam thì tư âm giải độc tiêu cam kim tiêm hoàn.

Phương dược:**- Tiêu cam lý tỳ:**

Vu di	4gam
Trần bì	2gam
Cam thảo	2gam
Thần khúc	4gam
Thanh bì	2gam
Sử quân tử (quả giun)	4gam
Hoàng liên	2gam
Mạch nha	8gam
Nga truat	2gam
Bình lang	4gam
Hồ tiêu	2gam
Tam lăng	2gam
Lô hội	2gam

- Lô hội phì nhi.

Ngũ cốc trùng	40 gam
Hoài sơn	40 gam
Hoàng liên	4 gam
Sài bồ	4 gam
Nhục đậu	2 gam
Sử quân tử	20 gam
Vu di	20 gam
Thần khúc	20 gam
Xạ hương	2 gam
Biến đậu	40 gam
Lô hội	4 gam
Hồ tiêu	4 gam

Sơn tra	20 gam
Bình lang	4 gam
Mạch nha	20 gam
Chu sa	4 gam
Cóc nướng khô	4 con

- Tả tâm đạo xích:

Mộc thông	10 gam
Hoàng liên	4 gam
Đẳng tâm	2 gam
Sinh địa	50 gam
Cam thảo	4 gam

- Sinh địa thanh phế:

Tang bì	10 gam
Cát cánh	4 gam
Cam thảo	4 gam
Sinh địa	10 gam
Tô diệp	2 gam
Xuyên quy	10 gam
Thiên môn	10 gam
Phòng phong	4 gam
Liên kiều	4 gam
Tiền hồ	4 gam
Hoàng cầm	4 gam
Xích phục linh	10 gam

- Kim thiêm hoàn:

Cóc nướng khô	5 con
Hoàng liên	10 gam
Lôi hoàn	10 gam

Vu di	15 gam
Hồ tiêu	10 gam
Nhục đậu	4 gam
Lô hội	10 gam
Khổ luyện căn bạch bì	15 gam

Trên thực tế, trong cách điều trị bệnh cam, phải căn cứ vào thể chất mạnh yếu của trẻ kết hợp với bệnh tình cụ thể, mà vận dụng các phương pháp cho thích hợp. Đại thể, cơ thể khỏe, bệnh cam mới phát thì trước công phá tích trệ, thanh nhiệt, sau trị tỳ vị. Nếu thể chất yếu, bệnh phát đã lâu, thì trước phù trợ tỳ vị, sau công tà khí, hoặc trong bổ ghé tiêu, trong tiêu ghé bổ, tùy theo kiểm chứng của 5 bệnh cam mà linh hoạt gia giảm, không cần phải tìm nhiều bài thuốc khác nhau.

Về nguyên nhân không ngoài 3 nguyên nhân: cam, tích, trùng. Về cơ chế do tỳ âm hư, tân dịch khô, khí trung tiêu không vận hóa được, làm cho khí huyết hao tổn.

c) Bài thuốc chữa cam tích:

Bài 1:

Sử quân tử	10 gam
Sơn tra	15 gam
Hậu phác	15gam
Hoài sơn	20 gam
Liên nhục	15gam
Cam thảo	4 gam
Chỉ xác	5 gam
Thần khúc	20 gam

Trần bì	10 gam
Mạch nha	15 gam
Bổ chính sâm	20 gam
Bột xương cóc	30 gam

Đều tán bột, rây mịn, luyện mật hoặc đường, viên bằng hạt ngô, ngày uống 2 lần trước bữa ăn, mỗi lần từ 10- 15 viên tùy theo sức khỏe và lứa tuổi.

Nếu khát thêm:	Cát căn	15 gam
	Rau mát tươi	15 gam
Nếu sốt, thêm :	Sài hồ	10 gam
	Sinh địa	15 gam
Nếu có dãi, thêm:	Hoàng liên	10 gam
	Bạch chỉ	10 gam
Nếu đỏ mũi, thêm:	Mạch môn	10 gam
	Tang bạch bì	10 gam

Nếu môi miệng lở nẻ, thêm: Hoàng liên
10 gam
Vỏ núc nác
10 gam.

Nếu miệng hôi, chảy máu chân răng, thêm:

	Cúc hoa	5 gam
	Chi tử	10 gam
Nếu ỉa chảy, thêm:	Xa tiền	10 gam
	Hạt vông vang	5 gam
Nếu phù nề, thêm:	Xa tiền	10 gam
	Mộc thông	6 gam
	Cỏ tranh	6 gam
	Hạt bìm bìm	5 gam

Bài 2:

Bồ chính sâm (tẩm gừng sao)	20 gam
Bạch truật (sao đất vàng)	12 gam
Mạch nha (sao vàng)	12 gam
Cam thảo	4 gam
Thần khúc	12 gam
Hoài sơn	16 gam
Xương cốt	40 gam
Sơn tra	12 gam
Chỉ xác	8 gam
Biển đậu	16 gam
Thổ linh	12 gam

Cách chế xương cốt; bắt cốt đánh chết bỏ vào cái giõ đem ngâm nơi dòng nước 1 tháng, rửa hết thịt, lấy xương ngâm nước gạo 1 đêm, rửa sạch, phơi khô, rang hơi vàng. Lại tẩm các thứ: nước muối, nước trầu không, nước gừng, rượu, dấm thanh, cứ 1 lần tẩm 1 lần phơi và sao.

Xương cốt cùng với tất cả các vị thuốc sao giòn, tán bột mịn, rây kỹ, bỏ lọ nút kín để dùng.

Trẻ từ 1- 3 tuổi dùng 1 thìa cà phê.

Trẻ từ 4- 6 tuổi dùng thìa cà phê.

Cách từ ăn; dùng lá chuối tiêu đặt dưới nồi rang, đem thuốc bột trên trộn lẫn với trứng gà đổ trên lá chuối, đun chín, đem cho trẻ ăn, ngày 2 lần trước bữa cơm.

Kiêng ăn chất tanh và các thứ sống lạnh.

Bài 3:

Bồ chính sâm	20 gam
--------------	--------

Hoàng bá	12 gam
Thần khúc	20 gam
Mạch nha	20 gam
Sơn tra	20 gam
Binh lang	20 gam
Hoàng cầm	12 gam
Bạch truật	12 gam
Ý dĩ	20 gam
Hoài sơn	40 gam
Cam thảo	5 gam
Hậu phác	12 gam
Sử quân tử (quả giun bỏ đầu nhọn)	12 gam
Thổ linh	12 gam

Các vị đều sao giòn, tán bột, luyện mật, viên bằng hạt ngô.

Trẻ từ 1 đến 15 tuổi mỗi lần 5- 10 viên, uống 2 lần trong ngày.

Bài 4:

Sơn tra (bỏ hạt sao)	12 gam
Mạch nha (sao)	20 gam
Long đởm	5 gam
Quả giun (sử quân tử, cạo vỏ thái nhỏ, tẩm mật sao)	10 gam
Quả chua ngọt (phỉ tử, sao)	4 gam
Nam bạch chỉ	6 gam
GỘP con mực (ô tặc cốt, sao)	10 gam

Đều sao giòn, tán bột, mỗi lần uống 1 thìa cà phê, uống 2 lần trong ngày,

Sau dùng hoài sơn, hạt sen, ý dĩ, lượng bằng nhau, tán bột, nấu cháo, hòa đường ăn.

Kiêng ăn các thứ khó tiêu.

2. CAM MẮT

Triệu chứng: Mắt nhắm, sưng, đỏ, đau, ra nhiều dử, mắt mờ hoặc có màng trắng che. Nguyên nhân: do thượng tiêu hỏa thịnh và do can huyết bất túc.

Bài 1:

Thổ linh	10 gam
Đơn thực	12 gam
Hoàng đằng	8 gam
Vỏ núc nác	10 gam
Bạch truật	12 gam
Bạch chỉ	16 gam
Củ phượng vĩ	10 gam
Màng mề gà (sao giòn)	16 gam

Các vị đều tán bột. Liều dùng: mỗi tuổi uống mỗi ngày 4 gam tiêu với nước đun sôi để nguội.

Bài 2:

Sử quân tử	20 gam
Vỏ núc nác	12 gam
Hoàng đằng	10 gam
Dạ minh da (phân dơi)	20 gam
Củ phượng vĩ	10 gam
Uy linh tiên (rễ cây sắn dây)	10 gam
Bồ chính sâm	10 gam

Các vị đều tán bột. Mỗi tuổi uống 1 gam

trong ngày. Lấy gan gà băm nhỏ trộn với thuốc. Hấp cơm chín cho trẻ ăn mỗi ngày 2 lần.

Bài 3:

Hạt rau dáy tán nhỏ hòa với mật lợn dán lên trên trán.

Bài 4:

Mật gấu 1 ít cho vào chén nấu cách thủy. Mỗi ngày nhỏ vào mắt một vài lần.

Bài 5:

Rau má (tươi)	20 gam
Lá dành dành (tươi)	20 gam
Hoạt thạch (giã nhỏ)	10 gam

Sắc uống.

Nếu đại tiện táo dùng lá phèn đen 10 gam.

Nếu tiểu tiện khó dùng hoa lá mã đề 10 gam. Sắc uống.

Chữa cam mắt do hỏa thịnh: mắt nhắm, không mở được

Bài 1:

Nhũ hương
Phác tiêu
Một dược
Hùng đơn
Nghệ vàng

Các vị lượng bằng nhau, tán bột.

Dùng một ít thuốc thổi vào hai lỗ mũi.

Bài 2:

Đại hoàng
Hoàng đằng
Phác tiêu
Củ phượng vĩ

Các vị lượng bằng nhau, tán nhỏ, hòa nước, phết giấy, dán vào hai thái dương và lòng bàn tay, lòng bàn chân.

- Chữa trẻ em quáng gà:**Bài 1:**

Phân dơi đái bỏ tạp chất, sao khô, tán nhỏ, hòa với mật lợn, viên bằng hạt đậu xanh. *Mỗi lần uống 5 viên với nước cơm, uống lúc sắp đi ngủ.*

Bài 2:

Màng hạt gấc

Cách chế: Rán mỡ lợn, khi mỡ đang trong chảo thì cho màng gấc vào đun sôi, bắc ra để nguội, cho vào lọ màu, nút kín, để trẻ ăn dần, ăn liên tục 100- 200 gam màng gấc.

3. CAM MŨI

Triệu chứng: mũi đỏ, chảy nước, loét hai bên cánh mũi. Nguyên nhân do phong hàn thương vào phế.

Bài thuốc:

Quả dành dành	4 gam
Trạch tả	2 gam

Nghệ vàng	4 gam
Cam thảo đất	2 gam
Bạch chỉ	4 gam

Sắc uống.

a) Chữa mũi loét, chảy nước và hôi:

Than muội nôi tán mịn.

Mỗi lần cho uống 1 cùi dĩa với nước sôi để nguội.

b) Chữa mũi đỏ:

Đại hoàng
Phác tiêu

Hai vị lượng bằng nhau, mài với nước để bôi.

c) Chữa mũi chảy nước vàng, mùi hôi:

Dây muống (lấy đoạn gần gốc).

Đốt cháy tán nhỏ hòa với rượu nhẹ cho uống.

d) Chữa nước mũi chảy liên miên:

Xuyên khung	3 gam
Đại hoàng	3 gam
Cam thảo	2 gam
Phòng phong	4 gam
Mạch môn	2 gam

Các vị đều tán nhỏ, mỗi lần uống 3-4 gam, uống 2 lần trong ngày.

đ) Chữa mũi hôi thối:

Búp đa lông	10 gam
-------------	--------

Bạch chỉ	10 gam
Bạc hà	10 gam
Ké đầu ngựa (sao bỏ gai)	10 gam

Sắc uống. Đây là bài Thương nhĩ tán (cổ phương).

e) Chữa mũi tịt:

Bài 1:

Xuyên khung	4 gam
Bướm trắng	4 gam
Hương phụ	3 gam
Cúc hoa	3 gam
Rễ ô rô	4 gam
Bạc hà	4 gam
Rễ trâu không rừng	3 gam
Trần bì	2 gam

Sắc uống.

Bài 2:

Khương hoạt
Bồ kết (bỏ hạt, nướng cháy).

Hai vị bằng nhau, tán nhỏ, thổi vào mũi.

Bài 3:

Hoa kinh giới, tán bột trộn với cơm rượu cho
ăn

4. CAM TAI

Triệu chứng: tai sưng, đau, hoặc chảy máu,

hoặc thối tai, chảy nước vàng, lở loét vành tai, ngứa tai.

Nguyên nhân: Do tam dương kinh nhiệt, hoặc do thận hỏa xông lên. Có khi do cam mũi ảnh hưởng đến tai.

a) Chữa tai lở loét:

Bài 1:

Lá cây đuôi tôm cho vào ít hạt muối, giã nhỏ, đổ vào chỗ tai đau.

Bài 2:

Nước nguyên chất của vỏ cây núc nác trộn vào một ít dầu vừng hoặc mỡ lợn để bôi.

b) Chữa tai chảy nước và thối:

Bài 1:

- Phèn phi tán nhỏ thổi vào tai.

Bài 2:

Xác rắn đốt tồn tính thổi vào tai.

c) Chữa tai điếc:

Thục địa	6 gam
Mẫu đơn	2 gam
Thổ linh	2 gam
Xương bồ	4 gam
Hoài sơn	4 gam
Quả dâu	4 gam
Trạch tả	2 gam
Kinh giới	4 gam

Sắc uống.

d) Chữa tai điếc có tiếng kêu:

Bài 1:

Thạch cao	4 gam
Vỏ núc nác	2 gam
Kính giới	2 gam
Cam thảo	2 gam
Thăng ma	3 gam
Hoàng đằng	2 gam
Xương bồ	4 gam

Sắc uống.

Bài 2:

Cúc hoa	8 gam
Quả dành dành	8 gam
Xương bồ	8 gam

Sắc uống.

Bài 3:

Địa liên
Củ rẽ quạt
Đinh hương

Ba vị lượng đều nhau, tán nhỏ gói vào giấy và nút vào tai

Bài 4:

Đá nam châm
Xuyên sơn giáp (sao sượng)

Hai vị gói lại nút kín lỗ tai, miệng ngậm một cục sắt.

Nếu không có xuyên sơn giáp, thì chỉ dùng đá nam châm và sắt và cũng làm như trên.

đ) Chữa tai thối chảy mủ:

Bài 1:

Lông nhím đốt tồn tính	10 gam
Phèn phi	3 gam

Hai vị tán nhỏ, thổi vào tai, cách hai ngày thổi 1 lần, trước khi thổi lau cho sạch mủ.

Bài 2:

Nhân hạt gác mài với nước cho đặc, giở vào tai ngày 2 lần, trước khi giở cần rửa tai cho sạch.

Bài 3:

Sáp ong phết vào giấy bản, cuộn vào chiếc đũa rồi rút đũa ra, dút một đầu giấy vào lỗ tai và đốt đầu kia. Sau đó dùng nước phèn chua rửa sạch.

5. CAM RĂNG

Trẻ em cam răng do 4 nguyên nhân chính:

Thận khí suy nhược hoặc thận nhiệt, tỳ vị suy tổn, hỏa nhiệt tại dương minh (vị), hoặc do trùng độc,

Triệu chứng: Răng đau buốt, lung lay, rời rụng dần. Chân răng đen là do thận hư, đau sưng lợi; chân răng núng và lung lay là tỳ vị bị thấp nhiệt; lợi đau sưng tấy đỏ, lưỡi môi đều đỏ, có khi chảy máu là hỏa nhiệt ở dương minh; đau nhức, hôi thối là do ăn uống giữ vệ sinh răng không tốt, có trùng.

Phương thuốc.

a) Đau răng do thận:

Dùng bài *Lục vị tri bá, gia thăng ma*.

Thuốc ta dùng:

Thục địa	12 gam
Hoài sơn	10 gam
Thổ linh	6 gam
Chi tử	6 gam
Trạch tả	6 gam
Vỏ núc nác	8 gam
Quả dâu	8 gam
Mẫu đơn	6 gam
Thăng ma (tẩm rượu sao)	8 gam.

Sắc uống.

b) Đau do tỳ vị: Dùng bài *Tứ quân, gia thăng ma*

Thuốc ta dùng:

Bố chính sâm	10 gam
Bạch truật di thực	8 gam
Thăng ma (tẩm rượu, sao)	8 gam
Thổ linh	6 gam
Cam thảo dây	8 gam

Sắc uống.

c) Đau răng do hỏa nhiệt tại dương minh:

Dùng lương huyết giải nhiệt:

Bài 1:

Chi tử	10 gam
Thăng ma	8 gam
Sinh địa	12 gam
Bạch chỉ	8 gam
Thạch cao	10 gam
Cúc hoa	8 gam
Huyền sâm	8 gam
Cam thảo dây	8 gam

Sắc uống

d) Đau răng do trùng độc:

Bài 1:

Lá sung già và vỏ sung:	1 nhúm.
Muối :	1 ít hạt.

Sắc nước đặc đem ngâm làm nhiều lần.

Bài 2:

Lấy 1 quả mướp nhỏ, cho muối vào trong, đem đốt cháy; sau đó ép lấy nước ở trong quả mướp để ngâm.

Bài 3:

Thuốc bôi ngoài:

Thanh đại.

Ngũ bội

Hắc phèn (phi)

Băng phiến.

Các vị lượng bằng nhau, tán bột mịn, súc miệng sạch, rồi xát vào chân răng.

Bài 4:

Thăng ma	8 gam
Đương quy	4 gam
Sài đất	6 gam
Cam thảo	2 gam
Hoàng liên	4 gam
Thạch cao	6 gam
Bạch chỉ	6 gam
Sinh địa	8 gam
Ngũ bội	4 gam.

*Sắc uống.***Bài 5:**

Huyền sâm	6 gam
Hoàng đằng	8 gam
Thăng ma	6 gam
Cam thảo dây	4 gam
Vỏ núc nác	6 gam
Bạch chỉ	6 gam
Nhân trung bạch	4 gam
Thanh đại	6 gam
Kim ngân	4 gam

*Sắc uống.***6. CAM TẤU MÃ**

Cam tẩu mã thuộc loại cam răng ở thể loại nguy hiểm và gây hại rất nhanh.

Triệu chứng: chân răng hôi thối, chảy nước

dãi, sưng quai hàm, chảy máu. Nếu không chữa kịp sẽ dẫn đến thối nát, thủng má, rụng răng.

Nguyên nhân do hỏa nhiệt thịnh tại dương minh vị.

Bài thuốc uống:

Hoàng liên	4 gam
Huyền sâm	6 gam
Bạch chỉ	8 gam
Ô tặc cốt	8 gam
Cương tằm (tằm nhac)	8 gam
Thanh đại	6 gam
Lô hội	4 gam
Hoàng cầm	8 gam
Thăng ma	8 gam
Kim ngân	8 gam.

Sắc uống.

Thuốc bôi:**Bài 1:**

Ngũ bội	4 gam
Thanh đại	2 gam
Khô phân	2 gam
Hoàng liên	2 gam
Hồng hoàng	2 gam
Xạ hương	0,5 gam

Các vị tán bột mịn, thường xuyên sát vào chân răng.

Bài 2:

Nhân trung bạch (cạn nước tiểu)	4 gam
Thanh đại	4 gam
Hoàng liên	2 gam
Hoàng bá	2 gam
Bạch chỉ	4 gam
Thăng ma (sao rượu)	4 gam

Các vị tán mịn, thường xuyên xát vào chân răng.

Bài 3:

Nhân trung bạch
Ngũ bội
Kê nội kim (sao vàng)

Các vị bằng nhau, tán bột, bôi vào răng.

Bài 4:

Nhân trung bạch	10 gam
Thanh đại	5 gam
Đất giun đùn	8 gam
Lá cam sành	5 gam

Tán bột bôi vào răng.

7. CAM DẪI

Cam dài là một bệnh do tỳ vị tiết ra, dài trong, thành dây dài có chất dính nhớt chảy quanh mép, rớt xuống cổ ngực.

Bài thuốc:

Lá cam sành (tươi, bỏ cuống, sao vàng) 40 gam

Ô tặc cốt (sao vàng bỏ gộp) 30 gam

Thần khúc 20 gam

Đều tán nhỏ, luyện với mật ong, viên bằng hạt nhãn, cho trẻ ăn. Trẻ 3 tuổi mỗi ngày 6 viên ăn 3- 4 ngày liền.

Chữa chảy dãi do tỳ vị nhiệt: Nước dãi chảy đến đâu làm cho môi, cằm, ngực có vết đỏ.

Bài 1:

Bạch truật (sao)	5 gam
Biển đậu	14 gam
Hoạt thạch	6 gam
Thạch học	4 gam
Thổ linh	5 gam
Cát căn (sắn dây)	6 gam
Hoàng liên	4 gam

Các vị tán bột, luyện hồ, viên bằng hạt đậu xanh. Trẻ 3 tuổi mỗi ngày 40 viên chia làm 2 lần uống.

Bài 2:

Vô di	4 gam
Sử quân tử	4 gam
Cam thảo (tẩm mật lợn)	4 gam
Nha đam tử	2 gam

Sắc uống.

Chữa chảy dãi do tỳ vị hàn: Nước dãi chảy đến đâu da trắng nhợt đến đó.

Bài thuốc:

Bạch truật (sao)	5 gam
Mộc hương (di thực)	5 gam
Đinh hương	3 gam
Bán hạ (chế)	5 gam
Cần khương	3 gam
Thanh bì	4 gam

Đều tán bột, luyện hồ, viên bằng hạt đậu xanh, ngày uống 20 viên chia làm 2 lần.

Có phương dùng bài trên, thêm 4 vị:

Bạch chỉ
Ô tặc cốt
Mẫu lệ
Long cốt

Mỗi vị 6 gam. *Đều tán bột rồi luyện viên như trên.*

8. CAM GIUN

Triệu chứng: Da xanh, bụng ỏng, nổi gân xanh, hay đau bụng, thích nằm sấp xuống đất, hay chảy nước miếng. Khi đau bụng, nắn vùng bụng thấy có những cuộn xoắn như dây thừng.

Nguyên nhân do ăn thức ăn thiếu vệ sinh, ăn hoa quả sống và chất ngọt nhiều. Khi trẻ chơi hay ngồi, bò dưới đất. Mặt khác do tỳ vị yếu kém nên giun dễ sinh.

Bài 1:

Hạt xoan rừng (khổ luyện tử) ngâm nước gạo sao qua.

Bình lang (hạt cau già)

Sử quân tử cạo vỏ ngâm nước gạo sao qua.

Bách bộ khô (củ ba mươi)

Chỉ xác (sao cám)

Các vị bằng nhau, tán bột.

Trẻ em từ 3 tuổi trở lên mỗi ngày uống 4-6 gam chia làm 2 lần, uống khi đói.

Chú ý: Trẻ dưới 1 năm tuổi không được dùng.

Bài 2:

Bổ chính sâm	20 gam
Bạch lịch	12 gam
Bạch truật	16 gam
Bình lang	16 gam
Trần bì	16 gam
Cam thảo nướng	4 gam
Sử quân tử	20 gam
Mộc hương (mài ngoài)	4 gam

Sắc uống

Bài 3:

Lá ngải cứu 1 nắm to, giã nát, cho ít nước sôi vào, vắt lấy nước cốt, *cho uống lúc còn đói.*

Bài 4:

Rễ cây ý dĩ 1 nắm to.

Sắc đặc cho uống lúc đói.

Chữa giun kim

Bài 1:

Dùng rau sam 100 gam rửa sạch, giã nhỏ, vắt lấy nước, mỗi buổi sáng uống 1 lần, uống 3 buổi sáng liền, có thể cho thêm ít đường vào để uống.

Bài 2:

Quả dưa để cả vỏ xanh đục lỗ, cho gạo nếp vào nấu cho chín gạo, cho ăn. Ăn xong tránh xuống đất độ 1/2 ngày.

9. CAM SÀI DẦU

Sài dầu có nhiều loại: sài kê: mụn lở loét khắp đầu; sài mạch lươn.

Nguyên nhân là do bẩm thụ nhiệt độc từ trong thai mẹ, hoặc do ăn uống nhiều chất béo, hoặc giữ vệ sinh kém.

a) Chữa sài kê:

+ Thuốc bôi: Lá tiết dê vò đặc lấy nước cốt vò đầu cho trẻ, vò xong, bôi thuốc sau đây:

Bồ kết đốt tồn tính

Phèn phi

Hai vị bằng nhau, tán nhỏ, hòa tan với nước cốt lá sòi làm thuốc bôi

+ Thuốc uống trong:

Xà sàng	4 gam
Kim ngân	4 gam
Quả ké (sao)	4 gam
Chi xác	2 gam
Cam thảo đất	2 gam
Hoa kinh giới	4 gam
Sài đất	4 gam
Xác ve sầu	2 gam
Mạn kinh	2 gam

b) Chữa trẻ em sài đầu nói chung:

Bài 1:

Xác rắn	1 cái
Phèn phi	20 gam
Lá bồ cu vè	100 gam

Cách chế: Xác rắn sao tồn tính. Lấy lá bồ cu vè giã nhỏ, vắt lấy nước tự nhiên, trộn với bột xác rắn và phèn phi để làm thuốc bôi.

Trước khi bôi thuốc lấy 1 nắm lá bồ cu vè nấu nước đặc gội đầu lau cho sạch. Cứ mỗi lần bôi thuốc là một lần gội.

Bài 2:

Lá đơn đại hoàng vò nát bôi vào chỗ sài.

Bài 3:

Lá bán đồ: 1 nắm (đốt cháy thành than). Dùng lá bồ cu vè nấu nước để nguội, vò đầu, lau khô, rồi rắc bột lá bán vào.

Bài 4:

+ Thuốc uống:

Huyền sâm 20 gam

Sài bồ 20 gam

Bạch chỉ 20 gam

Thăng ma 20 gam

Sắc uống

+ Thuốc rửa: Dùng lá ích mẫu nấu nước đặc, rửa sạch, lau khô.

+ Thuốc bôi: Bạch chỉ mài thật đặc. Sau khi rửa đầu bằng nước ích mẫu, thì bôi nước bạch chỉ vào.

Nếu là sài mạch lươn thì lấy củ bách bộ già nhỏ, vắt lấy nước bôi.

Bài 5:

Hạt cau già tán thật mịn, trộn lẫn với dầu vùng dùng để bôi.

Bài 6:

Tro bếp rây thật nhỏ mịn hòa với nước muối đắp lên đầu sài.

Bài 7:

Cây gai mền tên (độc lực) 50 gam

Dây chìa vôi (bạch phần đằng) 50 gam

Đều đốt tồn tính, tán nhỏ, rắc lên chỗ đau. Trước khi rắc thuốc dùng lá chát nấu nước, rửa thật sạch.

Bài 8:

Bồ hóng rây mịn *trộn* với dầu vùng để bôi.

Bài 9:

Luộc lòng đỏ trứng gà, nấu thành cao, bôi vào đầu sài

c) Chữa sài mạch lươn:**Bài 1:**

Mỡ trăn bôi vào chỗ sài.

Bài 2:

Quả sung chín dàn thành bánh, dán vào chỗ sài.

Bài 3:

Lá dâm bụt hoa trắng

Lá cây đuôi lươn

Mỗi thứ 1 nắm, rửa sạch, cho ít hạt muối, giã nhỏ đắp vào chỗ sài.

Chú ý: Trước khi đắp thuốc, phải rửa sạch chỗ đau bằng nước muối, hoặc nước bồ cu vè.

Bài 4:

Tổ kiến đen.

Hạt cau già.

Hai vị bằng nhau, sao cháy, tán bột, bôi vào chỗ sài 3 ngày liên mỗi ngày 1 lần; 2 ngày sau hòa thuốc với dầu dừa, hoặc mỡ lợn mỗi ngày bôi 1 lần. Như vậy là thuốc bôi trong 5 ngày có thể khỏi.

(Bài này chữa sài mạch lươn và chốc lở đầu)

Chú ý: Trước khi bôi lấy tro bếp rây mịn, hòa với nước đặc sền sệt, đắp lên đầu; đợi khi khô thì rửa sạch đầu rồi mới bôi thuốc.

Bài 5:

Lá rau muống đỏ: để tươi giã nhỏ, trộn với mỡ lợn đắp vào chỗ sài.

Bài 6:

Lá cây bời lời, giã nhỏ, cho ít muối đổ vào chỗ sài.

Bài 7:

Nôn cây lá Nán (lá han) giã nhỏ, đổ vào chỗ sài.

X. 5 CHỨNG MỀM, 5 CHỨNG CỨNG, 5 CHỨNG CHẬM. (NGŨ NHUYỄN, NGŨ NGẠNH, NGŨ TRÌ).

Chứng mềm là chứng mềm yếu của đầu, gáy, cổ, chân tay, da thịt. Chứng cứng là chứng cử động không mềm dẻo của đầu, gáy, chân tay. Chứng chậm là chứng phát triển chậm về đi đứng, nói năng, mọc răng, mọc tóc. Nguyên nhân chủ yếu của các chứng trạng trên là do tiên thiên bất túc, hoặc hậu thiên không được nuôi dưỡng đầy đủ. Cụ thể là:

- Khi thụ thai, tính huyết của cha mẹ yếu kém, hoặc khi có thai cơ thể người mẹ suy nhược ốm đau nhiều, đẻ không đủ tháng, hoặc do những tác nhân khác làm thương tổn đến thai nguyên đều là những nguyên nhân do tiên thiên không đầy đủ để cấu tạo thai nhi

- Sau khi sinh, sức khỏe người mẹ suy yếu,

đau ốm nhiều, dinh dưỡng không đúng cách, sữa và ăn uống không đầy đủ, hoặc vì ở những nơi ẩm thấp, tối tăm, thiếu ánh sáng mặt trời, làm cho thể chất dễ suy yếu, tỷ thận hư tổn, đều là những nguyên nhân do hậu thiên không đủ.

Cơ chế bệnh lý của các chứng trạng trên là do nguyên dương (thận dương) không đầy đủ, khí huyết (tỳ dương) đều suy, làm cho sự phát dục bị trở ngại, gân cốt da thịt phát triển không bình thường.

Các chứng trạng trên thường gặp ở trẻ từ 1- 3 tuổi. Nếu không chữa sớm, hoặc chữa không đúng cách, dễ biến thành cố tật.

Biện chứng và cách chữa:

a) 5 chứng mềm: Chứng trạng chủ yếu là đầu, gáy mềm yếu không ngẩng lên được, môi trề, nhai kém, tay mềm rũ, cầm nắm không vững và gờ cao không được, da thịt mềm nhão không đứng lên được, trí lực dần dộn, chậm chạp, thần trí ngu ngốc, rêu lưỡi trắng nhợt, mạch huyền vô lực.

Cách chữa: Bổ can thận, dưỡng tỳ vị

Gia vị: bổ thận hoàn, phù nguyên tán.

b) 5 chứng cứng: Là đầu gáy cứng đờ, chuyển động khó khăn, không cúi xuống được, mặt xanh khi lạnh, vùng cách mô và ngực bế tắc ngưng trệ, bụng to, gân xanh ẩn hiện, da thịt căng, chân tay cứng đờ như gỗ, mạch trầm vì do thương khí không vận hóa được.

Cách chữa: Ôn dương, tán hàn, điều lý khí huyết. Cổ phương: “Tiểu tặc mạnh thang” ôn vận tỳ dương.

c) 5 chứng chậm: Là chân tay mình mẩy đều mềm nhũn, gân xương không cứng cáp, tay chân không có sức, đứng không vững, đi lại khó khăn, răng chậm mọc, tóc khô vàng, 2- 3 tuổi vẫn không nói được, cơ thể phát triển chậm, tinh thần suy kém, khí, tượng không hoạt bát, mạch nhược.

Cách chữa: Bổ ích ngũ tạng, bồi bổ khí huyết. Nếu chậm mọc răng, chậm đứng, chậm đi nên bổ thận dưỡng huyết. Nếu chậm mọc tóc, nên bổ huyết làm chủ, dùng bài “Hỗ ma đơn”. Nếu chậm biết nói thì dưỡng tâm ích khí làm chủ, dùng bài “Xương bồ hoàn”

Phụ phương:

Bổ thận hoán gia vị:

Sơn thù	12 gam
Hoài sơn	10 gam
Trạch tả	8 gam
Đan bì	10 gam
Thục địa	16 gam
Phục linh	10 gam
Lộc nhung	12 gam
Ngưu tất	10 gam

Phù nguyên tán:

Bổ chính sâm	10 gam
--------------	--------

Bạch truật	10 gam
Phục linh	10 gam
Hoài sơn	10 gam
Xương bồ	8 gam
Thục địa	16 gam
Hoàng kỳ	10 gam
Xuyên quy	12 gam
Bạch thược	10 gam
Xuyên khung	10 gam
Cam thảo	4 gam
Gừng tươi	3 lát

Ôn vận tỳ dương:

Bổ chính sâm	10 gam
Phục linh	10 gam
Cam thảo	4 gam
Nhục quế	4 gam
Thăng ma	10 gam
Bạch truật	10 gam
Trần bì (vỏ quýt)	6 gam
Bán hạ chế (củ nhac)	4 gam
Gừng khô	4 gam
Sài bồ	10 gam

Hỗ ma đơn:

Xuyên quy	100 gam
Bạch thược	100 gam

Hắc hồ ma	200 gam
Hà thủ ô	100 gam
Can địa hoàng	100 gam
Phấn mẫu lệ	50 gam

Xương bồ hoàn:

Bổ chính sâm	200 gam
Mạch môn	100 gam
Xuyên quy	200 gam
Chu sa	8 gam
Xương bồ	50 gam
Xuyên khung	100 gam
Nhũ hương	50 gam
Viễn chí	50 gam

Phương thư đã nói: “Bệnh nặng thì điều hòa khí huyết, bệnh phức tạp và nguy hiểm hơn thì điều chỉnh âm dương; âm dương điều hòa thì bệnh sẽ mất”. Dựa trên nguyên lý đó, căn cứ vào đặc điểm sinh lý của trẻ em và nguyên nhân cơ chế bệnh, trong quá trình điều trị, cần áp dụng phụ phương bổ âm để tiếp dương và bổ dương để tiếp âm.

Phụ phương:

Bổ âm tiếp dương:

Thục địa	40 gam
Nhục quế	10 gam
Bạch truật	15 gam

Đậu trọng	15 gam
Xương bồ	10 gam
Ngưu tất	10 gam
Miếp giáp	15 gam
Bổ chính sâm	20 gam
Ngọc nhung	10 gam

Sắc uống

Bổ dương tiếp âm:

Bổ chính sâm	25 gam
Liên nhục	15 gam
Mẫu lệ	10 gam
Bạch truật	15 gam
Ý dĩ nhân	15 gam
Thục địa	20 gam
Cam thảo	4 gam
Quy bản	15 gam
Gừng nướng cháy thành than	10 gam

Sắc uống

1. Chữa răng mọc chậm:

Dùng bài *khung hoài tán*.

Bài 1:

Xuyên khung	16 gam
Đương quy	12 gam
Cam thảo	12 gam

Hoài sơn	12 gam
Bạch thược	12 gam
Thục địa	40 gam

Đều tán bột, uống với nước đun sôi để nguội, mỗi lần 8 gam, ngày uống 2 lần trước bữa ăn và lấy thuốc sát vào chân răng.

Bài 2:

Xuyên khung	15 gam
Hoài sơn	12 gam
Đan bì	10 gam
Thục địa	20 gam
Đương quy	16 gam
Bổ chính sâm	16 gam
Liên nhục	15 gam

Đều tán bột uống mỗi lần 8 gam, ngày uống 2 lần trước bữa ăn.

2. Chữa trẻ em chậm nói:

Nguyên nhân: Người mẹ mang thai bị kinh sợ ảnh hưởng đến thai nhi, làm cho tâm khí không đầy đủ nên chậm nói: hoặc do thận khí của cha mẹ bị suy tổn làm cho khí thanh dương không thăng lên được, ảnh hưởng đến sự bẩm thụ của trẻ, sinh ra chậm nói:

Phép chữa: **Bổ dưỡng tâm thận**

Bài 1:

Bổ chính sâm	20 gam
--------------	--------

Xương bồ	8 gam
Thiên môn	12 gam
Viễn chí	12 gam
Đan sâm	4 gam
Xích trạch chi	4 gam
Mạch môn	12 gam

Các vị tán bột, viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 30 viên, uống sau bữa ăn nửa giờ.

Bài 2:

Xương bồ	20 gam
Quế tâm	20 gam
Hoàng liên	20 gam
Viễn chí	20 gam
Bổ chính sâm	20 gam
Táo nhân	20 gam

Các vị tán bột, luyện mật, viên bằng hạt ngô, mỗi lần uống 15 viên, uống sau bữa ăn nửa giờ.

Chữa chậm ít nói do thận hư.

Bài 1:

Dùng bài *Lục vị hoàn gia xương bồ*:

Thục địa	16 gam
Hoài sơn	12 gam
Sơn thù	12 gam
Bạch linh	8 gam
Mẫu đơn	8 gam

Trạch tả	4 gam
Xương bồ	10 gam

Bài 2:

Bồ chính sâm	20 gam
Viên chí	20 gam
Xương bồ	20 gam
Chu sa	4 gam
Mạch môn	15 gam
Đương qui	16 gam
Nhũ hương	12 gam

Sắc uống; hoặc tán bột, luyện mật, viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 20 viên, mỗi ngày uống 2 lần.

Bài 3:

Đậu đỏ: Tán bột mịn, hòa với rượu đem bôi vào dưới lưỡi nhiều lần.

3. Chữa chậm mọc tóc

Bài thuốc:

Thục địa	10 gam
Đơn thực	4 gam
Hà thủ ô trắng (chế)	10 gam
Xuyên quy	8 gam
Hà thủ ô đỏ (chế)	10 gam
Xuyên khung	2 gam

Sắc uống

4. Chữa trẻ em chậm đi đứng

Bài 1:

Thục địa	20 gam
Hoài sơn	16 gam
Quả dâu chín	16 gam
Đan bì	10 gam
Trạch tả	10 gam
Tỳ giải	12 gam
Ngưu tất	12 gam
Ngũ gia bì	20 gam
Lộc nhung	12 gam

Nếu không có lộc nhung thì thay bằng lộc giác xương (bã gạo) 20 gam.

Các vị tán bột, luyện mật, viên bằng hạt đậu, mỗi lần uống 40 viên với nước hòa một ít muối.

Bài 2:

Thục địa	20 gam
Quả dâu chín	16 gam
Hoài sơn	16 gam
Ngưu tất	12 gam
Ngũ gia bì	18 gam
Trạch tả	15 gam
Tỳ giải	12 gam
Đan bì	10 gam
Đương qui	16 gam

Sắc uống; hoặc tán bột uống.

Bài 3:

Ngũ gia bì 20 gam

Mộc qua 10 gam

Hai vị tán bột, mỗi lần uống 2 gam, mỗi ngày uống 2 lần trước bữa ăn.

5. Giải lư

Trẻ em khi sinh ra xương đầu giáp không kín, thành rãnh gọi là xương sọ không hợp. Sách nói “mẫu hư, nuy xấu” (huyết của mẹ hư thì con gầy còm), “phụ hư giải lư” (tinh của cha hư thì con mắc bệnh giải lư).

Nguyên nhân: Do khí huyết bố, mẹ không đầy đủ từ khi giao hợp đã ảnh hưởng đến thai nhi làm cho bẩm khí của thai nhi không đầy đủ, tiên thiên thận nguyên rất thiếu. Vì thận chủ cốt tủy, thận khí thiếu thì não khí không đủ cho nên xương sọ không giáp kín được.

Phép chữa: Bồi bổ thận nguyên.

Dùng bài: **Lục vị hoàn:**

Thục địa 320 gam

Quả dâu chín 160 gam

Hoài sơn 160 gam

Đan bì 120 gam

Trạch tả 120 gam

Thổ linh 120 gam

Các vị tán bột, hòa với mật ong, viên bằng

hạt ngô, mỗi lần uống từ 10- 20 viên, với nước sôi để nguội.

Bài thuốc đồ:

Nhân trần 20 gam

Hạt mã đề 20 gam

Bách hợp 20 gam

Tán bột, hòa với sữa trâu đen, rồi đổ vào 2 bàn chân và chỗ xương không giáp kín.

a) Chữa xương sọ và xương thóp chậm liền:

Trẻ em xương sọ chậm liền, thóp bị lún sâu, là do nguyên khí kém. Có trẻ em xương sọ sau chẩm không liền, khoảng cách lọt 1 ngón tay, có trẻ em khớp xương sọ mềm nhũn.

Bài 1:

Dùng loại sâm tốt uống trong. Ngoài bồi bằng cao bổ cốt tủy. Sau 1 tháng sẽ khởi và thể lực tốt.

Bài 2:

Xương đầu chó vàng (nướng vàng, tán bột)

Lòng trắng trứng gà

Trộn bột xương chó lẫn với lòng trắng trứng gà, bôi vào chỗ thóp lõm.

Bài 3:

Xác rắn: sao, tán bột, trộn tủy xương sống lợn, bôi vào thóp mỗi ngày 3 lần, mỗi lần bôi cần lau sạch thuốc bôi lần trước.

b) Chữa thóp lõm:

Bài 1:

Củ nam tinh nướng chín, bóc vỏ, giã nát, trộn với dấm, lấy miếng vải mỏng đặt lên trên thóp rồi đặt thuốc vào.

Chú ý: Mỗi lần đặt nên dùng thuốc hơi nóng. Khi thuốc nguội thì lại đặt thuốc khác. Mỗi ngày làm 3 lần, làm liên tục hàng tuần.

Bài 2:

Xuyên ô sống	8 gam
Hồng hoàng	8 gam
Phụ tử sống	8 gam

Các vị đều tán bột, lấy hành sống (cả củ và rễ, lá) giã nhỏ, luyện với thuốc, đắp vào chỗ thóp lõm. Đắp 5-7 ngày, mỗi ngày vài lần.

c) Chữa thóp lồi:

Bài thuốc:

Vỏ núc nác tán bột, hòa với nước, dịt vào lòng bàn chân đến khi thóp trở lại bình thường.

Uống: Bát vị, gia Thổ bối mẫu

XI- BỆNH LIỆT TRẺ EM

Bệnh liệt tương ứng với bệnh ma tê trong bệnh danh của y học dân tộc, là một loại của bệnh nuy. Bệnh thường gặp ở đối tượng trẻ em dưới 10 tuổi mà cơ thể béo bệu.

- Đặc điểm triệu chứng của bệnh: Thường

thường sốt 38-39°C có khi lên đến 40°C, và 2-3 ngày sau thì sốt hạ dần; cũng có khi cách 1-2 ngày lại tiếp tục sốt, sốt không cao, người mệt mỏi, ăn uống giảm. Trên dưới một tuần thì xuất hiện hai chân hoặc một chân, một tay kém vận động; dần dần ngồi đứng khó khăn, chân tay mềm rũ, cơ thịt nhão, không đi lại được.

- Nguyên nhân cơ chế bệnh: Sách Nội kinh đã nói đến bệnh nuy: “Phế khí nhiệt sinh tích nuy, tâm khí nhiệt sinh mạch nuy, can khí nhiệt phát cân nuy, tỳ khí nhiệt phát nhục nuy, thận khí nhiệt phát cốt nuy, là điều kiện chủ yếu sinh bệnh nuy”. Chứng trạng chủ yếu của bệnh nuy là tay chân, cơ nhục mềm yếu, không còn năng lực vận động.

- Phép chữa: nội kinh nói: “Trị nuy độc thủ dương minh”. Dương minh tức là vị kinh, là kho thu nạp thủy cốc để cung cấp cho tạng phủ. Về sinh lý, dương minh là kinh nhiều khí huyết, là cơ sở nuôi dưỡng tông cân; dương minh mạch hư tổn, thì tông cân giãn, tông cân giãn thì kinh lạc không còn tác dụng co giãn mà sinh nuy.

Sử dụng phương được không ngoài cách gia giảm những vị thuốc bổ thận ích tỳ làm chủ, nhưng chưa có một phương bài nào điều trị có kết quả mỹ mãn. Bệnh viện Y học dân tộc Thanh Hóa đã thực nghiệm điều trị bằng châm cứu, tuy số lượng bệnh nhân điều trị còn ít, nhưng bước đầu đã đạt một số kết quả và rút ra một số kinh nghiệm về biện pháp

chữa bệnh liệt như sau:

1. Mục đích: điều trị liệt bằng châm cứu chủ yếu là khôi phục lại năng lực vận động của các bộ phận bị liệt. Mỗi bệnh nhi có một biểu mẫu ghi chép tỉ mỉ diễn biến từng loại hình bộ vị tổn thương để tiện xem xét theo dõi.

2. Liệu trình: Cách 1 ngày châm 1 lần ; 36 lần là 1 liệu trình, có sơ kết; 1- 2 tuần có kiểm tra xem xét so sánh diễn biến của bệnh.

3. Chọn huyệt: Nội kinh nói: “trị nuy độc thủ dương minh”. Do bệnh tình phát triển không giống nhau, nên ngoài việc sử dụng huyệt vị của kinh dương minh, còn dùng kinh thiếu dương làm phụ, kết hợp kinh thái dương. Bởi vậy khi chọn huyệt có chia ra chủ huyệt và phối huyệt. Nói chung, bình thường chủ huyệt không thay đổi, còn phối huyệt dựa theo sự chuyển biến của bệnh có thay đổi mà sử dụng như:

+ Ở chi trên dùng hai kinh Thái dương và Đốc mạch.

+ Ở thân mình dùng phối hợp kinh Thái dương, còn kết hợp kinh Thiếu âm.

+ Ở chi dưới thì phối hợp với kinh Thiếu dương.

Dưới đây xin giới thiệu một số chủ huyệt và phối huyệt của các bộ vị:

+ Bộ phận chi trên: Chủ huyệt: Bách hội, Kiên ngưng

Khúc trì, Hợp cốc, Đại chử.

Phối huyệt: Kiên tĩnh, Ngoại quan, Địa thương.

+ Thân mình: Chủ huyệt: Khí xung, U môn, Thận du, Ngoại quan, Đại chử.

Phối huyệt: Thương liêu, Túc tam lý, Hoàn khiêu.

+ Bộ phận chi dưới: Chủ huyệt: Khí xung, Dương lăng tuyền, Túc tam lý, Quang minh, Giải Khê.

Phối huyệt: Phong trì, Tam âm giao, Phục lưu, Côn lân, Huyền chung, Hoàn khiêu.

Kinh nghiệm thực tiễn trên lâm sàng, về thủ thuật châm tê, nghiêng vào phía trong thì phối hợp 2 huyệt Huyền chung và Côn lân, nghiêng ra phía ngoài thì phối hợp 2 huyệt Tam âm giao, Phục liêu; ở mông , da thịt mềm nhão, thì phối hợp 2 huyệt Hoàn khiêu, Phong thị.

Thủ pháp là một nghệ thuật có ảnh hưởng lớn đến việc điều trị, nên cách châm tiến kim từ nông vào sâu. Cơ thể bệnh nhi còn non yếu, nên sử dụng phép “bô”. Mỗi lần châm chỉ dùng từ 7 đến 10 huyệt. Cần kết hợp với phương pháp xoa bóp các chi bị liệt hàng ngày.

Bài thuốc:

Nhân sâm bạch hổ thang

Bài 1:

Nhân sâm

10 gam

Tri mẫu	10 gam
Xuyên quy	12 gam
Thạch cao	8 gam
Ngạnh mễ	10 gam
Bạch truật	10 gam

Bài 2:

Thạch cao	8 gam
Ngạnh mễ	10 gam
Tri mẫu	10 gam
Hoàng bá	8 gam

XII - TRẺ EM PHÙ THŨNG

Bệnh phù thũng gốc bởi tỳ hư. Trẻ em ngũ tạng còn non, nếu cho ăn, cho bú không đều độ thì tỳ bị thương tổn không chế ngự được thủy, thủy sẽ tràn đầy ra bì phu mà thành chứng thũng. Phương thư chia bệnh phù thũng làm 10 loại. Nhưng nói chung là do thận hư không hành được thủy, tỳ hư không chế được thủy, vị hư không chuyển hoá được thủy cốc, đều dẫn đến tỳ thổ bị tổn thương, ngưng trệ ở tam tiêu, ủng tắc ở kinh lạc, lưu ở tạng gây nên trướng, thủy tràn ở bì phu thì gây nên thũng. Phù vì thủy, vì thấp thì phù từ dưới lên trên, mạch trầm trì. Phù vì hỏa, vì phong thì phù từ trên xuống dưới, mạch trầm sắc.

- Phép chữa: Phải bổ tỳ là chủ yếu, đồng thời quan tâm đến phế thận, kết hợp hành thủy.

Bài 1: Kim quỹ thận khí hoàn: Chữa tỳ phế thận đều hư phù khắp người, tiểu tiện không lọc, đờm suyễn:

Bạch linh	20 gam
Ngưu tất (sao rượu)	40 gam
Trạch tả (sao rượu)	40 gam
Sơn thù (sao rượu)	40 gam
Đan bì (sao rượu)	40 gam
Phụ tử	20 gam
Nhục quế	20 gam
Xa tiền (sao)	40 gam
Hoài sơn (chưng nước cơm)	40 gam
Thục địa (chưng rượu)	160 gam

Các vị đều tán bột, luyện mật, viên bằng hạt ngô, mỗi lần uống từ 10- 20 viên, ngày uống 2- 3 lần khi bụng đói.

Bài 2: Ngũ linh tán: Chữa phù thũng từ lưng trở xuống:

Bạch truật
Trư linh
Nhục quế
Bạch linh
Trạch tả

Các vị lượng đều bằng nhau.

Mộc hương
Nhân trần

Hai vị lượng bằng 1/2

Tất cả đều tán bột, tiêu với nước sôi mỗi lần 2- 4 gam

Bài 3:

Gạo nếp rang	100 gam
Bồ hóng nếp	20 gam
Diêm tiêu	20 gam

Đều tán bột, luyện hồ, viên bằng hạt gạo, mỗi lần uống 10 viên.

Bài 4:

Xơ mướp	15 gam
Bắc đèn dầu lạc	15 gam
Hành	15 gam

Sắc uống và dùng nước thuốc rửa khắp mình.

Bài 5:

Hương phụ mễ	15 gam
Sa nhân (sao)	15 gam

Sắc uống.

Bài 6:

Hạt bìm bìm sống	4 gam
Mộc hương	2 gam

Đều tán bột, luyện viên bằng hạt đậu, mỗi lần uống 5- 6 viên.

Bài 7:

Rễ cây dừa gai (dừa cho bò ăn): cắt gọt sạch, thái mỏng, nấu nước, cho uống trong ngày.

Bài 8:

Đậu xanh	3 phần
Gạo nếp	1 phần

Nấu thành cơm cho trẻ ăn trong ngày.

Bài 9:

Cây xương rồng bà (tiên nhân chuông) róc hết gai, thái mỏng phơi khô, sao vàng hạ thổ: 20 gam sắc nước cho uống nhiều lần.

Bài 10:

Lá cây thù lụ (thái nhỏ)	20 gam
Lá cây so đũa (thông thiên thảo), thái nhỏ,	30 gam
Vương bất lưu hành (cây mua): dùng lá hay quả thái nhỏ	30 gam

Các vị đều sao vàng, hạ thổ, sắc kỹ, chia làm 4- 5 lần uống trong ngày. Khi bệnh lui, chú ý bồi dưỡng cơ thể.

Kiêng kỵ: không cho ăn các chất mặn.

Bài 11:

Vỏ cây bí đao có phần: gọt vỏ, sắc nước uống

XIII - CHỨNG THIÊN TRUY (sa hòn dái)**Bài 1:**

Ô dược	6 gam
Trần bì	3 gam
Cần khương	3 gam
Hương phụ	8 gam
Tía tô	3 gam

Tán bột, uống với nước pha ít muối, uống lúc đói, mỗi lần 2- 3 gam

Bài 2:

Hạt cây hòe (sao) tán nhỏ, mỗi lần uống 4 gam, chế thêm ít muối và rượu uống.

Bài 3:

Lá cây cải già nát, xào với dấm cho nóng mà chườm, nguội lại thay.

Bài 4:

Nhân hạt đào (bỏ vỏ và dầu nhọn) giã nhỏ, mỗi lần uống từ 3- 6 gam, hòa với rượu, lọc trong đem uống, còn bã đắp vào chỗ đau.

Bài 5:

Vỏ cây gạo (rang vàng hạ thổ) 30 gam

Hành tằm 10 gam

Sắc uống trước bữa ăn.

Chữa sưng đau bìu dái:**Bài 1:**

Nhân trần 4 gam

Hạt mã đề 3 gam

Mộc thông 3 gam

Đảng sâm 6 gam

Sắc uống

Bài 2:

Xác ve sầu 4 gam (bỏ đầu và chân)

Sắc nước để rửa bìu dái khi nước còn nóng, nếu nguội lại đun nóng để rửa.

Bài 3:

Đất giun đùn

Bạc hà tươi

2 thứ bằng nhau, giã bạc hà lấy nước nhào với đất giun đùn làm thành cao mà bôi.

Bài 4:

Rễ và lá cỏ xước: sắc với nước, hòa ít rượu mà uống

Bài 5:

Mai mực: cạo lấy phần rắc vào chỗ đau

Bài 6:

Lá tía tô sắc lấy nước ngâm rửa bìu dái, rồi lấy bột ia tía tô rắc vào.

XIV- CHỨNG PHONG NHIỆT

Phong nhiệt thuộc phạm vi ôn bệnh gồm phong ôn, thử ôn, thấp ôn, (khác với chứng cảm phong nhiệt).

- Triệu chứng: mình nóng, môi đỏ sẫm, ngạt mũi, ho khức khặc, đại tiện phân màu vàng hơi xanh, có khi có bọt, vân tay màu tía, mạch phù sắc.

- Nguyên tắc điều trị: theo biện chứng, vận dụng phương pháp vệ khí dinh huyết hoặc tan tiêu.

Bài thuốc:

Bài 1:

Rễ trâu không rừng 4 gam

Rễ ô rô biển	4 gam
Mộc thông	6 gam
Cam thảo đất	3 gam
Địa cốt bì	6 gam
Hành tằm	6 củ
Tía tô	4 gam
Xác ve sầu	10 cái
Quả dành dành	6 gam
Lá tre gai	6 gam
Bắc đèn dầu lạc	2 gam

Sắc uống.

Bài 2:

Rễ ô rô biển	8 gam
Sài hồ	10 gam
Cam thảo đất	4 gam
Mộc thông	4 gam
Lá tre gai	4 gam
Bắc đèn dầu lạc	2 gam
Câu đằng	8 gam
Bạc hà	4 gam
Địa cốt bì	10 gam
Liên kiều	4 gam
Xác ve sầu	4 con

Sắc uống

Bài 3:

Rong biển (hải táo)
Bèo ván tía

Hai vị lượng bằng nhau, sao khô, tán nhỏ, luyện hồ viên bằng hạt đậu. Trẻ 3 tuổi mỗi lần uống 10 viên.

XV - CHỨNG CẤP KINH PHONG

- Cấp kinh phong thuộc loại thực nhiệt, so với chứng phong nhiệt thì nặng hơn. Đặc điểm của chứng hậu có đủ 4 loại hình: đờm, nhiệt, phong, kinh, biểu hiện triệu chứng sốt cao, mê man bất tỉnh, co giật, đờm dài.

- Nguyên nhân: Do hỏa nhiệt thái quá, dương khí căng thịnh, âm huyết suy kiệt, làm cho can hỏa hiệp với tâm hỏa chứng đốt bên trong, sinh ra sốt cao. Thận thủy không chế ước được can hỏa, sinh ra co giật, mê man bất tỉnh, đờm dài khô khè (do cũng do phong đẩy đờm lên cổ họng)

- Nguyên tắc điều trị: cơ bản là sơ phong, thanh nhiệt, khai khiếu, khoát đờm, bình can trấn kinh.

1. Bệnh mới phát dùng bài “Sài cát giải cơ”

Sài hồ	10 gam
Cát căn	10 gam
Sinh địa	8 gam
Cam thảo	4 gam
Tri mẫu	5 gam

Hoàng cầm	8 gam
Xích thước	5 gam
Đan bì	6 gam
Bối mẫu	5 gam

Sắc uống.

Nếu không có Tri mẫu thì dùng quả dành dành 5 gam

Nếu không có Bối mẫu thì dùng củ chua me đất 5 gam

Nếu buồn bực, thêm trúc điệp (lá tre gai) 10 lá.

Nếu nói nhảm, thêm: Thạch cao 12 gam

2. Bệnh đã nặng dùng bài “Đạo xích tán”

Sinh địa 10 gam

Mộc thông 5 gam

Bắc đèn dầu lạc 2 gam

Xích linh 8 gam

Trúc điệp 10 lá

Cam thảo 4 gam

Sắc uống

3. Nóng dữ dội, dờm dài khô khè và co giật dùng bài **Thanh hỏa giáng dờm.**

Bài 1:

Sài hồ 10 gam

Bạch truật 10 gam

Đơn thước 8 gam

Tỳ giải 10 gam

Quả dành dành 10 gam

Trần bì 8 gam

Cam thảo 4 gam

Bán hạ (chế) 4 gam

Sắc uống

Bài 2:

Hoàng liên 9 gam

Hoàng cầm 4 gam

Chi thực 4 gam

Câu đằng 6 gam

Sài hồ 2 gam

Cam thảo 3 gam

Quả dành dành 10 gam

Liên kiều 6 gam

Hoạt thạch 8 gam

Mộc thông 4 gam

Qua lâu 4 gam

Hạt mã đề 8 gam

Sắc uống

Bài 3:

Cỏ mực 100 gam

Củ sả 50 gam

Củ mùng (cây dọc mùng hay nấu canh ăn)
50 gam

Sắc được nước, pha ít khô phèn cho uống.

Bài 4:

Câu đằng	8 gam
Mộc thông	8 gam
Địa cốt bì	8 gam
Lá tre gai	8 gam
Kim ngân	4 gam
Bạc hà	4 gam
Sài hồ	8 gam
Bắc đẹn dầu lạc	2 gam
Xác ve sầu	10 cái
Liên kiều	8 gam
Cam thảo	3 gam

*Sắc uống.***Bài 5:**

Thạch cao	8 gam
Ngạnh mễ	10 gam
Tri mẫu	10 gam
Vỏ núc nác	10 gam

*Sắc uống***4. Cách cấp cứu chứng cấp kinh:**

- Thông quan khiếu: Dùng bồ kết đốt tồn tính tán nhỏ thổi vào mũi, nếu hắt hơi là triển vọng tốt, không hắt hơi là xấu. Sau đó lấy nước trúc lịch và nước gừng cho uống. (Cách chế trúc lịch: dùng một đoạn tre non, hai đầu có mắt, chích khoảng giữa ra, bỏ gừng sống vào, đốt lửa, vắt lấy

nước, gọi là trúc lịch).

Phương thuốc khác: Dùng Câu đằng, kinh giới, thạch xương bồ mỗi thứ 10 gam, *sắc uống*.

- Xem vân tay (hồ khẩu) ở 3 đốt ngón tay trở. Nếu thấy đường tia máu lên thẳng, thì chích chặn ở đầu tia và nặn một ít máu.

- Chích huyết Thiếu thương ở góc ngón tay cái phía trong.

- Chích huyết Dũng tuyền ở lòng bàn tay chân.

- Chích huyết Trung xung ở đầu ngón tay giữa.

- Châm huyết Nhân trung (luôn luôn kích thích)

- Châm huyết Thập tuyền (muội đầu ngón tay) nặn ra một ít máu.

- Cửu huyết Bách hội (giữa đỉnh đầu). Cách cứu: châm rồi đặt mỗi ngải lên một lát gừng đặt trên điểm châm rồi đốt ngải, làm như thế từ 3- 5 mỗi.

Bài thuốc:

Cỏ mực 3 phần, trầu không 1 phần: *giã nát, trộn lẫn nước tiểu trẻ em. Gạn nước cho uống, còn bã xoa khắp mình, xoa từ cổ xuống.*

XVI - CHỨNG MẠN KINH PHONG

Chứng mạn kinh phong thuộc hư hàn. nên phát chậm là do chứng cấp kinh phong chưa không kịp thời để truyền vào lý, bệnh chuyển thành nặng. Cũng có trường hợp mới phát bệnh đã có đầy đủ chứng hậu về mạn kinh phong, như nôn mửa, ỉa chảy, làm cho tỳ dương hư, mất chức năng vận hóa (hoặc bệnh nhi vốn đã bị tỳ thận dương hư).

Bệnh nặng chữa dai dẳng lâu ngày, âm dịch suy kiệt, như vậy là phong sinh ra từ bên trong cơ thể.

Triệu chứng: Hầu hết có các chứng hậu như cấp kinh phong nói trên, có thêm các chứng: chân tay lạnh, nôn mửa, tiết tả liên tiếp, quầng mắt sâu và hãm, đờm vướng cổ họng có tiếng kéo cưa, hơi thở ở miệng mũi lạnh, môi nhợt, mắt xanh, mép chảy nước bọt, như sắp động kinh.

Chứng cấp kinh phong là thuộc dương. Chứng mạn kinh phong là thuộc âm. Âm thịnh thì dương suy. Thổ tả là do tỳ vị suy tổn, quầng mắt sâu hãm là tỳ khí rất suy do can phong nhập lý tương khắc tỳ thổ.

- Chữa chứng mạn kinh phong trước hết phải chỉ được thổ tả, đồng thời phải bình can, bổ tỳ, chấn tâm, định kinh, trách cứ tỳ kinh là chính.

Bài 1:

Lục quân, gia: Xương bồ, Tế tân.

Bổ chính sâm	8 gam
Tỳ giải	6 gam
Bạch truật	8 gam
Xương bồ	6 gam
Trần bì (sao)	6 gam
Bán hạ (chế)	4 gam
Cam thảo (nướng)	2 gam
Tế tân	4 gam

Sắc uống

Bài 2:

Bạch truật	8 gam
Đơn thực	6 gam
Trần bì (sao)	4 gam
Thổ linh	4 gam
Hậu phác (sao gừng)	4 gam
Hoắc hương	4 gam
Câu đằng	8 gam
Cam thảo (nướng)	4 gam

Sắc uống.

Nếu thổ, suyễn, thêm: Hạnh nhân 6 gam + hạt tía tô 6 gam.

Nếu nhiều đờm, thêm: Đờm tinh 4 gam.

Nếu phong nặng, thêm: Cương tằm 4 gam.

Nếu có mồ hôi, thêm: Rễ vú bò (tẩm mật sao) 6 gam.

Nếu khát nước, thêm: Cát căn 6 gam.

Nếu thổ tả do thực tích, thêm: Mạch nha (sao) 6 gam,

Hoắc hương 3 gam

Nếu thổ tả người nóng, gia: Hoàng liên (tẩm gừng sao) 4 gam; Thạch học 6 gam

Nếu nhiệt thử, thêm: Biển đậu 12 gam + Mã đề 10 gam

XVII - CHỨNG MẠN TỖ PHONG

- Nguyên nhân: + Do bản chất hư khí nhược, lại cảm nhiễm phải sương gió lâu ngày, cơ thể dần dần suy yếu, đột nhiên phát bệnh mạn tỳ.

+ Do cha mẹ không thận trọng trong việc cho ăn uống, ăn nhiều thứ khó tiêu.

+ Do khi con ốm cha mẹ không giữ gìn về phòng dục, làm cho sữa mẹ bị ảnh hưởng về dục hỏa hư phong (dục hỏa là hỏa của tình dục phát sinh thành nội phong gọi là hư phong) trẻ bị cảm nhiễm, đều làm cho tỳ vị suy yếu, nhẹ thì mắc cấp chứng cấp kinh, nặng thì mắc chứng mạn tỳ rất khó chữa.

+ Trẻ em bị chứng mạn tỳ phong còn do trước đó đã bị chứng cấp kinh và chứng mạn kinh phong, hoặc các bệnh trước còn kéo dài, bệnh chưa dứt hẳn lại cảm nhiễm khí độc cũng có thể phát sinh chứng mạn tỳ.

- Triệu chứng: Nôn mửa, tiết tả đi ra phân

trắng, tay chân lạnh, mắt nhắm, mất thần, méo mồm, lệch mắt, tay run, môi trắng nhợt, mạch và vân tay lúc ẩn lúc hiện, khi có khi không.

Những triệu chứng trên thể hiện khí của ngũ tạng gần tuyệt. Đi tả phân trắng là tỳ hư hàn; tay chân lạnh là tỳ khí muốn tuyệt; mắt nhắm không có thần là phong bế ngũ tạng; môi trắng nhợt không muốn ăn uống, nói năng, đều là tỳ vị hư hàn và chân khí muốn tuyệt; mạch và vân tay ẩn hiện không rõ ràng là ngũ tạng muốn tuyệt.

Nếu mạch vi nhưng không loạn, trì mà hữu lực thì còn chữa được. Mồ hôi ra ít và người ẩm cũng có triển vọng chữa được.

Chứng này tuy có kinh và có phong nhưng không thể cho thuốc chữa kinh phong được, mà phải đại bổ tỳ vị để cố trường chỉ tả, thì mới ấm lại tay chân và hồi phục được thần sắc.

Bài thuốc:

Bài 1:

Bổ chính sâm (tẩm gừng sao)	12 gam
Thổ linh	6 gam
Bạch truật (tẩm đất vàng sao)	8 gam
Trần bì (sao)	4 gam
Cam thảo (nướng)	4 gam
Bạch thược (sao)	8 gam
Cương tâm (tẩm nước gừng sao)	6 gam
Phụ tử	6 gam
Cân đằng	6 gam

Đất lòng bếp 6 gam

Sắc uống.

Bài 2:

Bồ chính sâm (tẩm gừng sao) 10 gam

Bạch truật (tẩm đất sao) 8 gam

Gừng khô 8 gam

Cam thảo (nướng) 4 gam

Ngũ vị 4 gam

Sắc uống.

Bài 3:

Hạt tiêu sọ 8 gam

Đinh hương 6 gam

Quế tốt 4 gam

Gừng khô 4 gam

Đều tán bột, lấy tro lòng bếp sắc nước uống.

Bài 4: Hương sa ngũ quân:

Bồ chính sâm (tẩm gừng sao) 10 gam

Tỳ giải 8 gam

Bạch truật (tẩm đất vàng, sao) 8 gam

Cam thảo (nướng) 4 gam

Trần bì (sao) 6 gam

Mộc hương 6 gam

Sa nhân 8 gam

Sắc uống.

Bài 5:

Bồ chính sâm (tẩm gừng, sao) 12 gam

Hoài sơn (sao) 12 gam

Bạch truật (tẩm nước gạo, sao) 8 gam

Biển đậu (sao) 12 gam

Sơn tra 6 gam

Trần bì (sao) 4 gam

Thần khúc 6 gam

Thổ linh 8 gam

Bạch thược (sao) 6 gam

Cam thảo (nướng) 3 gam

Sắc uống.

XVIII - TRẺ EM LÊN SỞI (Sa tử)

- Nguyên nhân thuộc loại ôn bệnh do khí độc lưu hành, trẻ em bị cảm nhiễm vào đường hô hấp, lây lan hàng loạt, thường mắc ở độ tuổi từ 2- 10 tuổi, cá biệt có người tuổi cao hơn cũng bị sỏi.

- Triệu chứng: Lúc đầu hăm hấp nóng, ho hắt hơi, ngạt mũi, chảy nước mũi, nước mắt, sốt, dần dần sốt cao rồi nổi nốt lấm tấm ở môi, miệng và phía trong mép má, rêu lưỡi trắng, mỏng, hơi vàng.

Sau 3- 4 ngày thì sỏi mọc. Sỏi bắt đầu mọc ở vành tai rồi lan ra trán, đầu cổ mặt thân hình và tay chân. Các triệu chứng nặng hơn: Sốt cao liên tiếp 2- 3 ngày da hồng hồng đỏ, lòng trắng mắt có tia máu, buồn phiền, ho, hoặc có khi thở khát nước, kém ăn, đại tiện táo, nước tiểu vàng, hay giật mình. Sau đó có thể nhìn thấy nốt sỏi lơ mờ trong da, hoặc là thấy lờm chờm dưới ngón tay nhưng

chưa nổi nốt trên mặt da. Sau đó sôi mọc rõ trên da thì nhiệt độ cũng dần dần hạ thấp, ăn ngủ, đại tiểu tiện cũng dần dần trở lại bình thường. Độ 3- 4 ngày sau thì sôi bay hết, để lại màu da xám xám.

Chú ý: Nếu sôi đã mọc hết mà vẫn còn nóng dai dẳng không hạ, thì thường xảy ra biến chứng.

- Phép chữa: Thanh nhiệt, tiêu độc, lương huyết.

1. Các bài thuốc phòng sôi.

Bài 1:

Rau dấp cá (cả rễ và lá) 20 gam (rửa sạch sao qua).. Cho vào cốc, đổ nước sôi vào hãm, hoặc vò rau dấp rồi cho nước sôi vào lắng trong và uống.

Lấy bã rau dấp cá hòa ít rượu, xoa khắp người, xoa khi sôi chưa mọc. Khi xoa tránh gió và nước lạnh. Chỉ uống rau dấp cá khi sôi chưa mọc và đang mọc, trường hợp có ỉa chảy thì không nên dùng.

Bài 2:

Đậu xanh 40 gam

Cam thảo đất (tươi) 20 gam

Sắc nước uống. Có thể uống từ khi bắt đầu mắc bệnh cho đến khi sôi bay.

Bài 3:

Năm thứ đậu: đậu xanh, đậu đỏ, đậu đen, đậu trắng, đậu trứng cuốc.

Ngâm nước độ 3 giờ, rồi rang vàng, tán bột,

gây mịn. Mỗi lần uống 20 gam hòa với đường, ngày uống 2- 3 lần, uống liên tục hàng tuần.

2. Bài thuốc dùng trong trường hợp sôi lên chậm chưa rõ.

Bài 1:

Sài bồ	8 gam
Thăng ma (sao rượu)	8 gam
Cam thảo đất	4 gam
Sắn dây	10 gam

Sắc uống.

Bài 2:

Kim ngân	10 gam
Thăng ma	8 gam
Cam thảo đất	4 gam
Kính giới	8 gam
Sắn dây	8 gam
Bạch chỉ	6 gam

Sắc uống

3. Bài thuốc dùng khi sôi bắt đầu bay.

Bài 1:

Sắn dây	10 gam
Sài đất	10 gam
Kính giới	8 gam
Sinh địa	8 gam
Hạ khô thảo	10 gam

Kim ngân 10 gam

Đơn thuốc 6 gam

Sắc uống.

Bài 2:

Cây trăn châu

Rễ cỏ sắng

Vỏ núc nác (tẩm rượu sao)

Hoa khế

Kim ngân

Các thử lượng bằng nhau, rang vàng, hạ thổ, sắc uống hàng ngày, uống nước còn hơi nóng.

4. Chữa sỏi mọc không đều.

Bài 1:

Hạt mùi tán nhỏ, trộn với rượu, phun vào những chỗ sỏi chưa mọc, rồi đắp kín lại thì sỏi sẽ mọc đều.

Bài 2:

Hạt mùi 1 chén con (chén uống trà)

Lá cây hoa nhài 12 lá

Sắc nước uống đến khi sỏi mọc đều thì thôi.

5. Chữa sỏi đã mọc hàng tuần mà chưa hết.

Rễ cây rau rệu 30 gam

Rễ cây trăn châu 40 gam

Hoa kim ngân 20 gam

Sắc uống

6. Chữa sỏi mọc đã 6- 7 ngày nhưng không đều, hoặc nơi mọc nơi lặn, hoặc nhiều và ỉa chảy.

Nguyên nhân bị ngoại cảm, phong hàn, độc tà công vào trong, hoặc do chân lông bị bít kín làm cho dương khí không thoát được.

Thuốc xoa ngoài:

Lấy rau mùi sắc với rượu, rồi lấy vỏ cây gai vò mềm, bọc trong miếng vải, chấm thuốc mà xoa từ đầu, mặt đến chân tay.

7. Chữa sỏi đã mọc mà đại tiện đi lỏng.

- Hạt mã đề (sao) sắc uống.

Nếu tiểu tiện không thông, thêm rau dứa, sắc uống.

8. Chữa sỏi biến chứng có ho.

Sắn dây 10 gam

Dây ruột gà 8 gam

Sài hồ 6 gam

Rễ bướm trắng 8 gam

Dây trăn châu 6 gam

Cây ngái sung 6 gam

Nếu mất đồ, thêm: quả dành dành 4 gam + đơn thuốc 8 gam.

Nếu ho, thêm: Củ chi thiên 4 gam + hạnh nhân 4 gam.

Nếu ỉa chảy, thêm: Trạch tả 4 gam + xa tiền (mã đề) 4 gam.

9. Kiêng kỵ:

Kiêng tắm rửa nước lạnh, kiêng gió, tránh mùi hôi thối, kiêng ăn thịt gà, cá chép, nấm tôm, mỡ lợn và nếp, cùng các thứ cay, nóng, xào, rán.
Trẻ em còn bú, mẹ kiêng ăn các thứ trên.

Chú ý: Bệnh sởi thường có biến chứng như: ho lâu, đau mắt, đau răng, kiết lỵ v. v... đều là do nhiệt độc giải chưa hết. Khi có biến chứng gì thì chữa theo chứng đó, nhưng vẫn phải chú ý thanh nhiệt, tiêu độc, lương huyết.

XIX - PHÒNG ĐẠ (bạch phôi)

Bài 1:

- Lấy rơm hoặc rạ nếp, đốt tồn tính, sắc nước uống, và dùng nước còn ấm để tắm.

Bài 2:

- Lá rau rệu sắc nước uống.

Bài 3:

- Cỏ chân vịt nấu nước tắm khi nước còn ấm.

XX - MỀ DÂY

Bài 1:

Ô rô biển	8 gam
Kinh giới	4 gam
Xuyên sơn giáp (vẩy trút) sao	6 gam
Lá đắng cay	6 gam
Bông cỏ may	6 gam
Kim ngân	4 gam

Sắc uống.

Bài 2:

Ké đầu ngựa (sao bỏ gai)	10 gam
Lá khế	8 gam
Bông mã đề	8 gam
Lá dâu tằm	8 gam
Kinh giới	10 gam
Hạ khô thảo	10 gam
Vỏ núc nác	10 gam
Khổ sâm	6 gam

Sắc uống.

Bài 3:

Khổ sâm	6 gam
Hạ khô thảo	4 gam
Lá đơn đỏ	6 gam
Quả ké (sao)	8 gam

Huyền sâm 8 gam

Sắc uống.

Bài 4:

Tai bí ngô 10 gam

Mùn tranh ở mái nhà 1 nhúm.

Dùng nước mưa sắc uống.

- Thuốc dùng ngoài:

Lá kinh giới: sao nóng chườm, hoặc bỏ vỏ gai, chườm vào vùng da bị ngứa.

**Chữa mề đay chạy vào bụng,
mình sưng, lưỡi cứng:**

Bài 1:

Phân tầm 2 chén con (chén uống trà)

Nước 2 bát

Nấu sôi, bỏ bã, để hơi nguội còn âm ấm, đưa bệnh nhân vào nơi kín gió, lấy khăn nhúng nước thuốc lau khắp mình.

Bài 2:

Rau mùi 1 nhúm

Giã lấy nước pha một ít rượu đem xoa khắp người.

XXI - THỎ NỤC TIỀN HUYẾT

(Thổ huyết, chảy máu mũi, đái ỉa ra máu)

Các bệnh xuất huyết của trẻ con đều do tâm tỳ bị nhiệt.

1. Bài thuốc chữa chung các bệnh ra máu.

Bài 1:

Hoàng đằng: tán nhỏ, luyện với mật ong, viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống từ 10- 30 viên tùy lứa tuổi, ngày 2 lần uống với nước sôi.

Bài 2:

Hoàng liên 10 gam

Hoàng bá 10 gam

Ngó sen 15 gam

Đều tán bột, mỗi lần uống từ 1- 4 gam, tiêu với nước sôi.

2. Chữa đại tiện ra máu (không kể mới hay lâu)

Bài 3:

Phèn trắng: 2- 3 gam tán nhỏ, cho vào một quả trứng gà, trộn đều, hấp cách thủy, cho ăn vào lúc đói.

3. Chữa chảy máu cam.

Bài 4:

Thục địa	8 gam
Đinh hương	4 gam
Muội nôi rang	12 gam
Đương quy	8 gam
Trầm hương	4 gam

Sắc uống.

Bài 5:

Đơn thuốc	40 gam
Nghệ	10 gam
Tóc rối (đốt tồn tính)	10 gam

Sắc uống.

4. Đái ra máu.

Bài 6:

Rễ cỏ sàng, sắc uống.

Bài 7:

Rễ mã đề
Buồng cau rừ (đốt tồn tính)

Hai thứ bằng nhau, sắc uống.

Bài 8:

Cỏ nhọ nôi (cỏ mực)	1 nắm
Rau má	1 nắm

Sắc uống.

Bài 9:

Lá và cây ý dĩ

Lá huyết dụ

Hai thứ bằng nhau, sắc uống.

5. Chữa thổ huyết.

Bài 10:

Sinh địa	10 gam
Quả dành dành (tẩm nước tiểu sao)	10 gam
Cam thảo đất	6 gam
Lá trắc bá (sao đen)	10 gam

Sắc uống.

Bài 11:

Lá sen	15 gam
Ngó sen	15 gam
Cỏ nhọ nôi (cỏ mực)	20 gam

Sắc uống.

Bài 12:

Hồ hoa (sao đen)	10 gam
Lá trắc bá (sao đen)	10 gam

Sắc uống.

Bài 13:

Nước tiểu	1 chén (uống)
-----------	---------------

Bài 14:

Lá trắc bá: 2 phần (giã) + rượu: một phần hòa lẫn để uống.

XXII - CHỨNG RA MÔ HÔI TRỘM

Trẻ khi ngủ ra nhiều mồ hôi gọi là mồ hôi trộm, mồ hôi trộm thuộc chứng âm hư, trẻ thường bị gầy còm xanh xao.

Cách chữa: tư âm dưỡng huyết.

Bài 1:

Thục địa	8 gam
Quả dâu	6 gam
Mẫu đơn	4 gam
Long cốt	6 gam
Lá dâu	6 gam
Thổ linh	4 gam
Hoài sơn	6 gam
Trạch tả	2 gam
Mẫu lệ (vỏ hào nung)	6 gam

Sắc uống.

Bài 2:

Long cốt	6 gam
Liên nhục	4 gam
Lá dâu	4 gam
Thục địa	8 gam
Mẫu lệ (vỏ hào nung)	6 gam
Hoài sơn	4 gam
Ngải cứu	4 gam

Các vị tán nhỏ, dùng mật ong luyện viên bằng hạt ngô. Trẻ em ba tuổi, ngày uống 2- 3 lần, mỗi lần 10 viên.

Bài 3:

Lá dâu bánh tẻ: 10 lá, giã, vắt lấy nước, hòa với mật ong hoặc đường, chia làm 2 lần uống.

XXIII - BỆNH ỈA CHẢY (tiết tả)

Bệnh có hai dạng:

+ Ỉa lỏng, ỉa nhiều lần (tiết)

+ Ỉa tẻ như xối nước, nước nhiều phân ít (tả)

Có 3 nguyên nhân chính:

+ Do ngoại cảm: cảm khí lạnh, khí âm hoặc cảm nắng, đều có thể gây ỉa chảy.

+ Do ăn uống các thứ sống lạnh, các thứ khó tiêu, hoặc ăn uống thất thường, khi no quá, khi đói quá.

+ Do tỳ vị hư nhược không làm tốt được công năng vận hóa, gây thấp trệ. Bệnh ỉa chảy kéo dài gây ảnh hưởng đến thận dương hư tổn, trở thành bệnh nặng khó chữa.

- Biện chứng luận trị:

Bệnh ỉa chảy tuy chia làm 3 nguyên nhân khác nhau nhưng chủ yếu là do tỳ vị hư nhược, vì ỉa chảy là thuộc tính của thấp, thấp dễ thương đến tỳ. Bệnh thường phát vào cuối mùa hạ, đầu mùa thu, thời khí oi nóng, ẩm ướt. Tỳ vị là nơi thu bệnh trước tiên. Tỳ vị là bộ phận chủ chốt của hệ tiêu hóa, vị có chức năng chứa đựng và làm nhuyễn nguyên thức ăn, tỳ có chức năng vận hóa các chất dinh dưỡng. Nếu tỳ vị yếu thì không chuyển hóa

được thức ăn thành các chất dinh dưỡng để nuôi cơ thể.

Người xưa nói "tỳ vị là gốc của hậu thiên, là nguồn của sinh hóa". Nếu tỳ vị điều hòa thì dù ăn uống thức sống lạnh hoặc thời tà giao động, cũng vẫn ít khi mắc bệnh ỉa chảy. Do đó, chữa bệnh ỉa chảy trẻ em chủ yếu là phải bồi bổ tỳ vị kết hợp chữa các triệu chứng khác. Đồng thời còn phải phân rõ hàn nhiệt để dùng thuốc cho thích hợp:

1. Ỉa chảy thuộc nhiệt thấp:

Triệu chứng: Bụng đau quặn, ỉa phải rặn, đít đỏ, phân sệt sệt. Khát nước, tiểu tiện đỏ và ngắn.

Bài 1:

Hoạt thạch	20 gam
Đậu xanh (sao chín)	20 gam

Hai vị đều tán bột luyện với nước cơm bằng hạt đậu đen.

Mỗi lần uống 10- 20 viên, sắc nước mã đề tiêu với thuốc.

Bài 2:

Vỏ quả thừ lựu	12 gam
Mã đề	10 gam
Cam thảo	8 gam
Hạt cau	8 gam
Chỉ xác (sao cám)	12 gam
Quả dành dành	10 gam.
Sắc uống.	

Bài 3:

Cây chó đẻ	40 gam
Nụ sim	20 gam

Sắc uống

Bài 4:

Hoàng liên	40 gam
Gừng tươi	16 gam

Hai vị thái nhỏ, cho vào nồi, sao nhỏ lửa cho đến khi gừng khô ròn thì bỏ gừng đi, lấy hoàng liên tán bột.

Trẻ em uống từ nửa gam đến 1 gam.

2. Ỉa chảy do cảm nắng:

Triệu chứng: Người hâm hấp nóng, có mồ hôi, khát nước, bụng đau từng cơn đi ỉa ra nước nhiều, phân ít, nặng thì đi như xối nước gọi là hỏa tả.

Bài 1:

Sắn dây	10 gam
Hương nhu	6 gam
Trạch tả	4 gam
Lá tre gai	10 gam
Biển đậu (sao)	10 gam
Bông mã đề	10 gam
Bố chính sâm (sao)	12 gam

Sắc uống

Bài 2:

Bổ chính sâm (sao)	12 gam
Bạch truật (sao)	8 gam
Hoắc hương	6 gam
Cam thảo dây	6 gam
Biển đậu (sao)	8 gam
Sắn dây	8 gam
Gừng nướng	2 gam

*Sắc uống***3. Ỉa chảy thuộc hàn thấp:**

Triệu chứng: Không khát, tiểu tiện trong và dài bụng đau lâm râm và sôi ong ọc, thích xoa bóp chườm nóng, ỉa chảy ra phân xanh, hoặc trắng nhợt, phân sống, nhiều nước.

Bài 1:

Bổ chính sâm (sao gừng)	10 gam
Sa nhân	6 gam
Bạch truật	10 gam
Gừng khô	4 gam
Quế tốt	4 gam (mài ngoài)

*Sắc uống***Bài 2:**

Gạo rang cháy	2 phần
Quế tốt	1/2 phần
Hoắc hương	1 phần

*Các vị đều tán bột mỗi lần uống 1- 2- 3 gam***Bài 3:**

Bổ chính sâm (tẩm gừng sao)	12 gam
Mã đề	8 gam
Bạch truật (sao)	8 gam
Mộc thông	8 gam
Thổ linh	8 gam
Sa nhân	8 gam
Trạch tả	8 gam
Cần khương	2 gam
Quế tốt (mài ngoài)	1 gam

*Sắc uống***4. Ỉa chảy do thương thực:**

- Triệu chứng: Bụng đau dữ dội từng cơn. Sau khi đi ỉa được thì bớt đau. Phân loãng, có những cục nhỏ mùi rất thối; trước đi loãng, sau rắn. Ợ chua hăng; ngực và bụng anh ách, khó chịu; rêu lưỡi vàng.

Bài 1:

Sương truật	6 gam
Trần bì (sao)	4 gam
Hậu phác (sao cám)	4 gam
Cam thảo	2 gam
Mạch nha	4 gam
Sơn tra	4 gam
Thần khúc	4 gam

Đây là bài Bình vị hợp tam tiêu (cổ

phương).

Nếu không có sương truyệt dùng Thiên niên kiện (ngâm nước gạo 1 đêm, sao qua) 4 gam. Không có cam thảo dùng dây cườm cu 2 gam.

Bài 2:

Vỏ khố lô (nam mộc hương)	50 gam
Hạt vãi	10 gam
Hoắc hương	100

gam

Các vị tán bột, mỗi lần uống từ 2- 3 gam.

Bài 3:

Trần bì (tẩm sao)	6 gam
Mạch nha	4 gam
Sa nhân	4 gam
Hậu phác	6 gam
Chỉ xác (sao cám)	2 gam
Hạt cau già	2 gam
Thiên niên kiện (ngâm nước gạo 1 đêm sao qua)	4 gam.

Sắc uống

5. Ỉa chảy do tỳ vị yếu:

- Triệu chứng: Mệt nhọc, hay nằm, không muốn ăn uống, bụng đầy, sôi hoặc đau lâm râm, no anh ách. Muốn đi ỉa, đi nhiều lần, có lúc đi ra nguyên chất thức ăn, ỉa xong thì thư thái. Tiểu tiện ngắn, da trắng bủng, rêu lưỡi trắng, có bọt.

Bài 1:

Bổ chính sâm (tẩm gừng sao)	12 gam
Thổ linh	8 gam
Bạch truật (sao đất vàng)	10 gam
Cam thảo nước	4 gam

Đây là phỏng theo bài **Tứ quân tử** (cổ phương)

Bài 2:

Sáp ong	12 gam
Lòng trắng trứng gà	1 quả
Mai mực (nướng bỏ gộp)	15 gam (tán bột)

Cách chế: Sáp ong đun chảy nước hòa với lòng trắng trứng gà rồi trộn bột mai mực làm viên bằng hạt ngô mỗi lần 3- 5 hạt.

Bài 3:

Bạch truật	12 gam
Bạch linh	8 gam
Sa nhân	6 gam
Ích trí nhân	4 gam
Vỏ quýt	6 gam
Hậu phác (tẩm nước gừng sao)	6 gam

Sắc uống

6. Chữa trẻ em ỉa ra máu tươi

Bệnh mắc phần nhiều ở trẻ từ 2- 3 tuổi trở lên.

Triệu chứng: Đại tiện ngày 2- 3 lần, phân

thành cục, đi xong thấy máu tươi chảy ra dít, người mệt, ngại ăn. Nguyên nhân do phế và đại trường nhiệt

Bài thuốc:

Hạt sen (bỏ vỏ, bỏ lõi) 80 gam

Ngâm nước nóng độ 10 phút, đem ra nhồi vào ruột cùng lợn (trực tràng) độ 3- 4 tấc, buộc 2 đầu lại, cho vào nồi đổ nước nấu 4 giờ, đem ra để nguội chỉ lấy hạt sen, cho ăn 1- 2 ngày cho hết, không nên kéo dài, tốt nhất mỗi ngày cho ăn thêm 1 quả chuối tiêu.

7. Trẻ em ỉa ra phân đen như tiết lộc:

Nguyên nhân: do tích nhiệt. Triệu chứng: đại tiện ngày 1- 2 lần, cục phân đen như tiết lộc, mí mắt thâm quầng, ăn ít, khát nước, người mệt, hay quấy khóc.

Bài thuốc:

Hoàng liên (hoặc hoàng đằng, sao) 4 gam

Quả mơ muối (ô mai) nướng hơi cháy 2 quả

Phục long can (đất lòng bếp) 20 gam

Dùng đất lòng bếp tán nhỏ, hòa nước trong, lọc kỹ, lấy nước.

Cho các vị thuốc vào nước này nấu kỹ rồi đem ra cho uống dần.

Kiêng ăn các chất cay nóng.

8. Chữa trẻ em ỉa phân xanh

Cổ phương dùng:

Hồng đơn 6 gam

Thần sa 4 gam

Phèn chua (phi) 3 gam

Đại táo (bóc lấy thịt) 3 quả

(Hoặc dùng long nhân)

Các vị đều luyện viên bằng hạt ngô, cắm viên thuốc vào đầu cái kim, đốt trên ngọn đèn dầu bông hoặc dầu lạc, thấy viên thuốc cháy kỹ là được.

Liều dùng:

Trẻ 1 tháng uống 1 viên 2 lần trong ngày

Trẻ 3 tháng uống 2/3 viên 2 lần trong ngày

Trẻ 5- 6 tháng uống 1 viên 3 lần trong ngày

Thuốc ta dùng:

Rau má tươi 20 gam

Mơ tam thể 20 gam

Rốp cây ổi 10 gam

Hoạt thạch (tán bột) 30 gam

Rễ cây cúc tần (sao) 6 gam

Rễ tre non (sao) 6 gam

Sắc uống 2 lần trong ngày. Kiêng bú và kiêng ăn các chất: cá tươi, mỡ, các thức ăn sống lạnh

9. Các bài thuốc chữa ỉa chảy nói chung:

Bài 1:

Cây bông hời (còn gọi là cây cộng sản), vò lấy nước uống sống với vài hạt muối.

Bài 2:

Hoắc hương 20 gam

Gừng nướng 2 gam

Sắc uống

Bài 3:

Cua đồng bọc vào đất sét, nung cháy đen, đem tán nhỏ, hòa với nước sôi, cho uống

Bài 4:

Biển đậu (rang vàng) 10 gam

Hoắc hương 10 gam

Sắc hoặc tán bột uống

Bài 5:

Hoắc hương 4 gam

Gừng sống 4 gam

Tinh tre 4 gam

Cam thảo dây 2 gam

Sắc uống

Bài 6:

Hoài sơn: hấp chín, sao vàng, tán bột, quấy hồ ăn.

XXIV - BỆNH KIẾT LY

Bệnh kiết ly thường gọi là bệnh đi vết. Bệnh thường xảy ra tiếp sau bệnh ỉa chảy. Do đó có thể xếp bệnh ỉa chảy và kiết ly vào một loại: ỉa chảy ở dạng nhẹ và nông, là sự đình trệ ở trung tiêu; kiết ly ở dạng nặng và sâu, là sự đình trệ ở hạ tiêu.

- Triệu chứng: ỉa nhiều lần, bụng đau quặn, mót đi gấp, nhưng rặn mãi không ra phân. Ngày đi có đến vài chục lần, hầu như rất ít phân, chỉ ra máu mũi lầy nhầy.

- Nguyên nhân: cũng có 3 nguyên nhân gây bệnh như bệnh ỉa chảy, và chủ yếu cũng do tỳ vị suy nhược gây nên.

- Phương pháp chữa bệnh kiết ly phải phân biệt được hàn nhiệt hư thực.

1. Ly thuộc thấp nhiệt

- Triệu chứng: Bụng đau, đi ra phân trắng, đồ lẫn lộn, mót rặn, giang môn nóng rát, tiểu tiện vàng xẫm, rêu lưỡi vàng dày, khát nước.

- Cách chữa: thanh nhiệt, hóa thấp, giải độc

Bài 1:

Hoàng liên (sao) 2 gam

Chỉ xác 2 gam

Hoạt thạch 3 gam

Nhân hạt đào (bỏ vỏ và dầu nhon) 2 gam

Hoàng đằng 2 gam

Hậu phác 3 gam

Cam thảo

1 gam

Sắc uống

Bài 2:

Sáp ong

1 cục bằng đốt ngón tay.

Lòng đỏ trứng gà 1 cái (luộc chín)

Hai thứ nghiền lẫn, cho vào một ít nước gừng sống, luyện viên bằng hạt đậu, mỗi lần uống 10- 20 viên trước bữa ăn.

Bài 3:

Cây phượng vĩ

Rau má

Rễ cây mơ tam thể

Bông mã đề

Các vị đều dùng tươi, mỗi vị lượng độ 20 gam, thêm 4 gam gừng tươi sắc uống.

Nếu đi có máu nhiều, thêm cỏ nhọ nồi (cỏ mực).

Bài 4:

Mộc hương

40 gam

Hoàng liên

10 gam

Đều sao ròn, tán bột, mỗi lần uống 1- 2 gam.

Đây là bài **Hương liên** (cổ phương)

Bài 5:

Cỏ sữa nhỏ lá

Củ phượng vĩ

Cỏ nhọ nồi (cỏ mực)

Rau sam

Lá phèn đen

Rau má

Các vị dùng tươi, lượng bằng nhau sắc uống.

2. Ly thuộc hàn thấp:

Triệu chứng: Bụng đau lâm râm, di phân màu trắng, nhiều nhầy hoặc ra máu nhọt, tiểu tiện trong, dài, rêu lưỡi trắng, da trắng bệch

Cách chữa: Ôn trung, tán hàn, lợi thấp

Bài 1:

Thục địa (sao thơm)

8 gam

Gừng (nước cháy)

3 gam

Bạch truật (sao)

6 gam

Cam thảo (nướng)

3 gam

Sắc uống

Đây là bài **Bồi thổ cố trung** (cổ phương)

Bài 2:

Hoắc hương

20 gam

Củ nâu (thái mỏng ngâm nước gạo 24 giờ, phơi khô sao đen)

8 gam

Hạt cau già

8 gam

Các vị tán bột mỗi lần uống 1- 3 gam, uống ngày 2 lần

Bài 3:

Hạt cải củ già: 2 chén con (sắc lấy nước đặc độ 1 chén con)

Gừng già (giã lấy nước): nửa chén con

Mật ong: 1 chén con

Búp chè khô: nửa chén con, hâm lấy 1 chén con nước. Các vị hòa lẫn với nhau, chia uống làm nhiều lần, mỗi lần 1- 3 thìa cà phê, ngày uống 3- 4 lần vào lúc đói.

3. Chữa lỵ ra nhiều nhầy mũi.

Vỏ cây vông nem (cạo bỏ vỏ ngoài) 100 gam

Sao vàng hạ thổ sắc uống

4. Chữa lỵ ra nhiều máu:**Bài 1:**

Hạt mã đề

Hoa dâm bụt đỏ

2 thứ lượng bằng nhau, sắc uống.

Bài 2:

Lá đơn tía: sao qua, sắc nước uống.

Bài 3:

Lá và hoa tử vi: sắc nước uống.

Bài 4:

Sinh địa 15 gam, sắc nước.

Tóc rối (đốt tồn tính) 5 gam tán mịn

Hai thứ trên hòa lẫn chia làm 5 phần, cho

uống làm 5 lần.

Bài 5:

Lá nhót 10 gam

Củ phượng vĩ 10 gam

Lá huyết dụ 10 gam

Lá ngải cứu 6 gam

Bông mã đề 10 gam

Các vị đều sao vàng, hạ thổ, sắc uống.

Bài 6:

Khổ luyện tử 20 gam

Mộc hương 10 gam

Sa nhân 10 gam

Hoàng liên 10 gam

Vỏ quýt 14 gam

Hạt cau già 14 gam

Các vị tán bột, luyện hồ, viên bằng hạt đậu, mỗi lần uống từ 10- 15 viên, tiêu với nước sôi, uống 2 lần trong ngày, vào lúc đói.

Bài 7:

Khổ luyện tử (sao) bỏ vỏ, tán nhỏ, luyện với sáp ong vừa đủ, viên bằng hạt đậu xanh.

Mỗi tuổi uống 2 viên chia 2 lần trong ngày, uống khi đói

5. Các bài thuốc chữa bệnh lỵ nói chung**Bài 1:**

Vỏ cây sắn thuyền phơi khô tán bột, mỗi lần uống 2 gam với nước cơm

Bài 2:

Lá ích mẫu non

Lá sen non

Hai thứ bằng nhau, nấu cháo với gạo tẻ mà ăn

Bài 3:

Rễ cây ý dĩ rửa sạch, sao vàng, hạ thổ, sắc uống

Bài 4:

Hạt vừng xát trắng, sao thơm tán bột, hòa với mật ong cho uống.

Bài 5:

Trắc bá diệp (sao đen) 10 gam

Rễ mơ lông 10 gam

Nõn chuối tiêu 10 gam

Cỏ sữa 10 gam

Cỏ nhọ nồi 10 gam

Rau sam 10 gam

Lá huyết dụ (sao) 10 gam

Sắc uống

Bài 6:

Hạt cau già 4 gam

Vỏ khố lô tía 12 gam

Sắc uống

6. Chữa kiết lỵ lòi dom

Bài 1:

Thăng ma (sao rượu) 10 gam

Bồ chính sâm 15 gam

Rễ cốt xay (sao mật) 15 gam

Cam thảo đất 10 gam

Sài bồ 10 gam

Lá sen 10 gam

Trần bì 10 gam

Hoài sơn 10 gam

Sắc uống

Bài 2:

Rễ hoa thiên lý, sao vàng, sắc uống

Bài 3:

Lá mía mung (lá đuôi tôm) sắc nước, khi uống cho vào ít hạt muối.

Bài 4:

Cây củ dọt tắm nước gạo, sao khô, sắc uống

Bài 5:

Bồ kết: 3 quả, nướng cháy xém, bẻ nát, bỏ vào 400 ml nước sôi, ngâm để rửa.

Lá sen bánh tẻ 200 gam (thái nhỏ, rang vàng, tán bột)

Sau khi rửa sạch, lấy bông thấm khô, rắc bột sen vào lá sen non mà đổ vào chỗ lòi dom rồi lấy

băng đóng khố lên. Làm mỗi ngày 1 lần, làm 3 ngày liền. Đồng thời cho uống bột lá sen 2 lần trong ngày, mỗi lần 5- 10 gam, uống khi đói

Kiêng ăn: các chất tanh, mỡ lợn

Bài 6:

Hoa hòe tán bột, mỗi lần uống 1- 2 gam, tiêu với nước cơm hoặc nước sắc trần mễ (gạo lâu năm)

Bài 7:

Hành nấu sôi, để xông hơi; khi nước nguội thì rửa cho mềm, rồi lấy tay ấn vào, làm như thế nhiều ngày

Bài 8:

Ngũ bội tử 1 nhún sắc nước sôi mà xông; khi nguội thì dùng nước rửa, rồi rắc bột ngũ bội và đẩy từ từ vào.

Bài 9:

Đất vách lâu năm nấu sôi đem xông, khi nước nguội thì rửa

Bài 10:

Dầu con ba ba đốt tồn tính (cháy đen) tán bột, trộn với dầu vừng mà bôi; hoặc đốt lấy khói mà xông.

Bài 11:

Hạt thầu dầu tía 30- 40 gam, giã nhỏ, dạt thành bánh, đắp lên thóp hể dom rút thì bỏ thuốc đi.

XXV - XỬ TRÍ MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP CẤP CỨU VỚI TRẺ EM

Trẻ em tạng phủ còn non đang trong thời kỳ cơ thể sinh trưởng, phát triển nhanh, bệnh thường phát triển nhanh nhưng cũng chóng hồi phục. Cho nên trong điều trị, có khi chỉ cần giữ gìn vệ sinh và điều chỉnh việc ăn uống hợp lý, có thể bệnh tự khỏi.

Sau đây là một số phương pháp cấp cứu:

1. Phép sơ biểu (làm cho ra mồ hôi)

Thấy trẻ có triệu chứng mình nóng, gai rét, thích ấm áp, nằm co, ngạt mũi, chảy nước mũi, mu bàn tay và mu bàn chân nóng hơn lòng bàn tay, lòng bàn chân, không có mồ hôi, là biểu hiện của triệu chứng ngoại cảm phong hàn.

Cách điều trị: Dùng hành tằm 1 nắm (hành trắng), cả củ, rễ, lá đem giã dập, trộn với dầu vừng, hoặc với lòng trắng trứng gà. Lấy 1 nắm tóc rối nhúng vào đem xoa vào người theo thứ tự trên trước, dưới sau, trong trước, ngoài sau, xoa đi, xoa lại 3 lần. Sau đó, dùng chăn đắp ấm đến khi mồ hôi ra dầm dấp thì thôi, nóng sẽ tự khỏi.

2. Phép hoãn đờm

Thấy trẻ có triệu chứng trong họng có đờm khò khè khó thở, nặng có khi phồng má trợn mắt.

Dùng phèn chua một cục bằng hạt ngô, giã nát lẫn với bột gạo trắng hoặc bột mỳ 60 gam, hai thứ trộn đều, lấy nước ngào nắm thành bánh (nếu

trời lạnh thì hơ qua lửa cho nóng) đem buộc vào hai gan bàn chân lấy băng quấn lại, đờm sẽ hạ xuống.

Thuốc uống:

Phèn chua 5 gam

Bồ kết 1 quả (nuối chín bồ hạt)

Hai vị đều tán bột, hòa với nước đun sôi để nguội, cho uống rất chậm, từ từ từng ít một.

3. Phép trấn thống (chống đau)

Trẻ em tự nhiên khóc gất, lăn lóc vật vã, cho ngậm vú trẻ cũng khóc. Nếu trẻ nhỏ ít tháng, phải xem có vật gì châm vào mình đứa trẻ (như kim băng, kiến đốt, rôm sảy, bẹn nách cắn gây ngứa v.v...) Nếu không thấy các hiện tượng trên mà thấy bụng đầy tức, thường là trẻ bị đau bụng do ăn bú không tiêu, hoặc do bé khí không thông.

Dùng muối ăn một bát rang cháy lấy vài bọc lại đem chườm, chườm liên tục từ bụng trên xuống (chú ý: chườm xuống, không chường ngược lên). Bọc muối này nguội phải có bọc muối khác nóng thay ngay, độ nóng vừa phải, không nóng quá làm phỏng da, mỗi lần chườm độ 3 phút.

4. Cấp cứu trúng hàn

Tự nhiên thấy trẻ em chân tay lạnh buốt, hơi thở lạnh, răng cắn chặt, có khi hôn mê, không bú không khóc, đó là biểu hiện của triệu chứng trúng hàn tà.

Cách chữa:

Hành tằm 1 nắm

Gừng già 1 củ

Củ cải tươi, hoặc hạt cải 1 chén con

Ba vị đều giã lẫn, dùng dấm thanh hoặc rượu sao nóng, ép lấy 1 chén con nước cốt cho uống, sau đó lấy vải gói bã, chia làm 2 đùm thay nhau chườm từ trên xuống, hễ nguội lại xào hơi nóng mà chườm.

Trường hợp răng cắn chặt khó cho uống, dùng tay bấm vào huyệt thừa tương, miệng sẽ há mà cho uống (huyệt thừa tương, ở môi dưới, chỗ trùng là huyệt).

5. Cấp cứu trúng độc

Trẻ em tự nhiên bị nôn oẹ, hoặc bụng đầy trướng, miệng phôi bọt dãi, là do ngộ độc thức ăn, hoặc ngộ độc thuốc uống.

Trước tiên gây cho nôn mửa chất thức ăn và thuốc bằng cách lấy 1 cái lông gà rửa thật sạch, sát trùng, ngoáy vào họng, trẻ sẽ nôn mửa. Sau đó dùng:

Rau má 1 nắm

Sắn dây 16 gam

Đậu xanh 1 chén con

Cam thảo 5 gam

Các vị đều giã giập, sắc nước cho uống từ từ.

**Chú ý cẩn thận, không nên vội dùng
không đúng thuốc gây nguy hiểm**

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT

Vài nét về đặc điểm sinh lý và bệnh lý
của trẻ em và phương pháp chẩn đoán
bệnh trẻ em

PHẦN THỨ HAI

Bệnh thường gặp ở trẻ em từ sơ sinh đến
dưới 3 tuổi

- Trẻ không chịu bú	18
- Trẻ khóc đêm nhiều	19
- Tê phong	20
- Tưa lưỡi	21
- Sơ sinh bí đái	23

PHẦN THỨ BA

Bệnh thường gặp ở trẻ em trên 3 tuổi

- Đái dầm	27
- Trẻ lở loét miệng	29
- Đau họng	30
- Trẻ em ho	32
- Bệnh suyễn	35
- Trẻ em ho gà	37
- Cảm mạo	41
- Cảm nắng	45
- Các chứng cam sài	46
+ Cam tích	46
+ Cam mắt	56
+ Cam mũi	58
+ Cam tai	60

+ Cam răng	63
+ Cam tẩu mã	66
+ Cam dài	68
+ Cam giun	70
+ Cam sài đầu	72
5 chứng mềm, 5 chứng cứng, 5 chứng chậm	76
+ Chữa răng mọc chậm	81
+ Chữa trẻ em chậm nói	82
+ Chữa chậm mọc tóc	84
+ Chữa trẻ em chậm đi đứng	85
+ Giải lư	86
- Bệnh liệt trẻ em	88
- Trẻ em phù thũng	92
- Chứng thiên trụ	95
- Chứng phong nhiệt	97
- Chứng cấp kinh phong	99
- Chứng mạn kinh phong	104
- Chứng mạn tì phong	106
- Trẻ em lên sởi	109
- Phồng dạ	114
- Mê đay	115
- Thở nục huyết	117
- Chứng ra mồ hôi trộm	120
- Bệnh ỉa chảy	121
- Bệnh kiết lỵ	131
- Xử trí một số trường hợp cấp cứu đối với trẻ em	139

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA
TẬP THỂ LƯƠNG Y - HỘI YHCT THANH HÓA

* * *

BỆNH NHI KHOA
CHỮA CÁC TẬT BỆNH THÔNG
THƯỜNG CỦA TRẺ BẰNG Y HỌC
CỔ TRUYỀN

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN THOA

Biên tập : Bùi Thị Mỹ

Trình bày, bìa : Hoa Niên

Sửa bản in : Duyên Anh

In 1000 cuốn, khổ 13 x 19 cm, tại XN In Tân Bình
Số đăng ký KHXB : 04/1086-CXB do Cục Xuất Bản cấp
ngày 19/10/99. Giấy TN KHXB số 11/XBTH do Nhà
Xuất Bản Thanh Hóa cấp ngày 14/12/2000

In xong, nộp lưu chiểu quý I/2001



CHỮA CÁC TẬT BỆNH THÔNG THƯỜNG CỦA TRẺ BẰNG Y HỌC CỔ TRUYỀN

Ngoài những kiến thức về đặc điểm sinh lý, bệnh lý trẻ em, phương pháp chẩn đoán bệnh đáng tin cậy, quyển sách còn giới thiệu chi tiết nguyên do và những bài thuốc hữu hiệu chữa trị được hầu hết những tật bệnh thông thường ở trẻ em từ sơ sinh đến thiếu niên như :

- Không chịu bú
- Đái dầm
- Tưa lưỡi
- Khóck đêm (dạ đề)
- Ho gà
- Lên sỏi
- Cảm mạo
- Cam sài
- Mọc răng
- Chậm nói
- Chậm đi
- Ít tóc
- Mề đay
- Mồ hôi trộm...

Mong rằng quyển sách này mang lại nhiều điều bổ ích cho các bậc cha mẹ trong việc nuôi dạy con mình ở thời kỳ phát triển quan trọng nhất, nhanh nhất của chúng.

TẬP THỂ LƯƠNG Y - HỘI YHCT THANH HÓA
Lương y HẢI NGỌC chủ biên
NHÀ THUỐC HẢI NGỌC ĐƯỜNG

ĐC: C4 Khu tập thể Ban Quản Lý Lăng Bác Hồ
Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

¥26000